

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M30 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN CHING YIN	陳正賢	WAC	M30
2	WONG TSZ LOK DICKSON	黃子樂	WAC	M30
3	HO PUI CHUNG	何沛聰	BAC	M30
4	CHU LIN KAM	朱連錦	PAC	M30
5	LEI HON WENG	李漢榮	MAC-Masters	M30
6	LEUNG CHEUK LUN	梁焯麟	CEDSRC	M30
7	MO WING YIN	毛永彥	HKU	M30
8	NGAN CHUN YIN	顏晉彥	LSCAC	M30
9	WONG WINGFAI	王榮輝	CGHCAC	M30
10	ZACARIAS CANGA	勤家	WAC	M30

### Men's M30 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	NIP KA LEONG BRANDON	聶嘉亮	BAC	M30
2	SHIMIZU RYUTARO	清水隆太郎	DART	M30
3	TSU KA CHON	徐嘉駿	WAC	M30
4	WONG TSZ LOK DICKSON	黃子樂	WAC	M30

### Men's M30 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	LO CHUN HUNG	羅進鴻	PoliceAC	M30
2	CHU LIN KAM	朱連錦	PAC	M30
3	KRUUSAMAE UKU		AVOHK	M30
4	LAI TAT MING	黎達明	PoliceAC	M30
5	LEE TSZ KIT	李子傑	PoliceAC	M30
6	NIP KA LEONG BRANDON	聶嘉亮	BAC	M30
7	SHIMIZU RYUTARO	清水隆太郎	DART	M30
8	SO MAN CHUNG	蘇泯聰	PAC	M30

### Men's M30 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	KRUUSAMAE UKU		AVOHK	M30
2	LO CHUN HUNG	羅進鴻	PoliceAC	M30

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M30 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	PANG JOE HYMN JOSEPH	彭祖謙	RMAC	M30
2	KRUUSAMAE UKU		AVOHK	M30
3	WONG TSZ LOK DICKSON	黃子樂	WAC	M30

### Men's M30 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN KA HIN	陳嘉軒	DBSAC	M30
2	CHAN KA HIN	陳嘉軒	TCAA	M30
3	CHEUNG FELIX HO-NIN	張浩年	WYK	M30
4	CHUNG MAN KIN	鍾文健	WYK	M30
5	KRUUSAMAE UKU		AVOHK	M30
6	LAM YU GIT	林子喆	RMAC	M30
7	MOK KWAI CHIU	莫桂釗	DBSAC	M30

### Men's M30 - 3000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN KA HIN	陳嘉軒	TCAA	M30
2	CHUNG MAN KIN	鍾文健	WYK	M30
3	NIP KA LEONG BRANDON	聶嘉亮	BAC	M30
4	WONG TSZ LOK DICKSON	黃子樂	WAC	M30

### Men's M30 - 110mH

	Name	姓名	Team	Category
1	LI LEONARD		LSCAC	M30
2	LEUNG KWOK CHUEN	梁國全	CSDSA	M30
3	TSANG HING LUN	曾慶麟	PoliceAC	M30

### Men's M30 - 400mH

	Name	姓名	Team	Category
1	MO WING YIN	毛永彥	HKU	M30
2	TAI SIU LUN	戴肇麟	BAC	M30
3	WU KA CHUN	胡嘉俊	CEDSRC	M30

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M30 - 5000mRW

Name	姓名	Team	Category
1 CHEUNG FELIX HO-NIN	張浩年	WYK	M30

### Men's M30 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
1 拔萃男書院田徑會 M30 4X100 A		DBSAC	M30
2 拔萃男書院田徑會 M30 4X100 B		DBSAC	M30
3 香港海關體育及康樂會 M30 4X100		CEDSRC	M30
4 喇沙書院田徑會 M30 4X100		LSCAC	M30
5 澳門-澳門大師聯盟 M30 4X100		MAC-Masters	M30

### Men's M30 - 4X400m

Name	姓名	Team	Category
1 拔萃男書院田徑會 M30 4X400		DBSAC	M30
2 警察田徑會 M30 4X400		PoliceAC	M30

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M30 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	CHU LIN KAM	朱連錦	PAC	M30
2	LO CHEUK FEI JEFFREY	盧卓飛	DBSAC	M30
3	LAW KA KI	羅家麒	CEDSRC	M30
4	LEUNG KAM FAI	梁錦徽	DBSAC	M30
5	MO WING YIN	毛永彥	HKU	M30
6	NIP KA LEONG BRANDON	聶嘉亮	BAC	M30
7	SIU WAI WANG DEREK	蕭瑋宏	DBSAC	M30
8	TONG HO YIN	湯灝賢	TCAA	M30

### Men's M30 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	CHU LIN KAM	朱連錦	PAC	M30
2	MO WING YIN	毛永彥	HKU	M30
3	NIP KA LEONG BRANDON	聶嘉亮	BAC	M30
4	SIU WAI WANG DEREK	蕭瑋宏	DBSAC	M30
5	TONG HO YIN	湯灝賢	TCAA	M30
6	WONG PING HING	黃炳興	JSA	M30
7	WONG WINGFAI	王榮輝	CGHCAC	M30

### Men's M30 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	LO CHEUK FEI JEFFREY	盧卓飛	DBSAC	M30
2	CHOW PUI YIN	周培賢	WAC	M30
3	CHU LIN KAM	朱連錦	PAC	M30
4	LEUNG KWOK CHUEN	梁國全	CSDSA	M30
5	MAN KO CHUN	文高俊	CEDSRC	M30
6	SIU WAI WANG DEREK	蕭瑋宏	DBSAC	M30
7	WONG WINGFAI	王榮輝	CGHCAC	M30

### Men's M30 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	LEUNG KAM FAI	梁錦徽	DBSAC	M30
2	CHEUNG WAI LUN WILLIAM	張煒麟	DBSAC	M30
3	MO WING YIN	毛永彥	HKU	M30

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M30 - Long Jump

Name	姓名	Team	Category
4 MUI CHI HANG	梅智鏗	DBSAC	M30
5 NGAN CHUN YIN	顏晉彥	LSCAC	M30
6 YUNG YAM CHUN	戎欽俊	PoliceAC	M30

### Men's M30 - Triple Jump

Name	姓名	Team	Category
1 TAI SIU LUN	戴肇麟	BAC	M30
2 YUNG YAM CHUN	戎欽俊	PoliceAC	M30

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	ZHANG ZHONGLIANG	張忠亮	SZGM	M35
2	TANG SUI PONG	鄧瑞邦	BAC	M35
3	CHONG YIN LOK	莊賢樂	WAC	M35
4	LAI CHUN HO	黎振浩	DBSAC	M35
5	CHU CHEUK HUNG	朱卓鴻	SCAA	M35
6	CHAN HO WING	陳浩榮	BAC	M35
7	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
8	CHOW CHI WOO SAMUEL	周志活	DBSAC	M35
9	CHAU KAI MAN	周啓文	CEDSRC	M35
10	ZHANG YIFEI	張宜飛	SZGM	M35
11	PANG YIU CHI EDWIN	彭耀慈	LSCAC	M35
12	CHAN KIN SHING	陳建丞	BAC	M35
13	CHAN CHEUK NAM STANLEY	陳卓男	DBSAC	M35
14	CHAN LIT SHING	陳烈成	PoliceAC	M35
15	THANISLAS JOHN PETER		LSCAC	M35
16	CHEUNG HANG YIU	張恒曜	WYK	M35
17	LEUNG SHING LAI		WAC	M35
18	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
19	AO CHAN KIT	歐振傑	MAC-Masters	M35
20	CHAN CHUN WAI WILLIAM	陳俊偉	CEDSRC	M35
21	CHAN WING KWAN	陳榮坤	PoliceAC	M35
22	CHENG KA MING AARON	鄭家名	DBSAC	M35
23	CHUI TIMOTHY JONATHAN	崔昕祈	DBSAC	M35
24	FONG TSZ WAI	方梓維	BAC	M35
25	LAM NGA TIK EDDY	林雅廸	LSCAC	M35
26	LAU ANSON KWOK PAN	劉國彬	DBSAC	M35
27	LAU WING HANG RINGO	劉咏杏	DBSAC	M35
28	LAU WING MAN	劉穎文	DBSAC	M35
29	LIM JONATHAN		PHI-NMSAA	M35
30	MA KAR MING	馬家銘	SCAA	M35
31	MENG QINGHAN	孟庆哈	SCAA	M35

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
32	SONG XUE MIAO	宋学淼	DGD	M35
33	TANG KIN YIP	鄧建業	WYK	M35
34	TSE KAM HO	謝金豪	BAC	M35
35	WONG AMBROSE	黃彥	DBSAC	M35
36	WONG KA CHAK	王嘉擇	HKU	M35
37	WU YUE HUI	吴悦辉	DGD	M35
38	YEUNG MING KIU	楊銘翹	BAC	M35
39	YIP HIU MING	葉曉明	PoliceAC	M35

### Men's M35 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	ZHANG ZHONGLIANG	張忠亮	SZGM	M35
2	TANG SUI PONG	鄧瑞邦	BAC	M35
3	ZHANG YIFEI	張宜飛	SZGM	M35
4	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
5	TANG KIN YIP	鄧建業	WYK	M35
6	CHAN KIN SHING	陳建丞	BAC	M35
7	PANG YIU CHI EDWIN	彭耀慈	LSCAC	M35
8	CHAN CHEUK NAM STANLEY	陳卓男	DBSAC	M35
9	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
10	CHOW CHI WOO SAMUEL	周志活	DBSAC	M35
11	LAM NGA TIK EDDY	林雅迪	LSCAC	M35
12	LEE WING YIN	李穎賢	DBSAC	M35
13	LI JING BING	李晶冰	DGD	M35
14	MENG QINGHAN	孟庆晗	SCAA	M35
15	NG MING SUM RICKY	吳銘心	SCAA	M35
16	TANG HO KIN	邓皓鍵	HKLRRRC	M35
17	TSE KAM HO	謝金豪	BAC	M35
18	WONG HON LEUNG	黃漢良	DBSAC	M35

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	TANG SUI PONG	鄧瑞邦	BAC	M35
2	ZHANG YIFEI	張宜飛	SZGM	M35
3	LAM NGA TIK EDDY	林雅迪	LSCAC	M35
4	CHOW JUEN	周進	DBSAC	M35
5	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
6	CHAN CHUN KIT	陳駿杰	DBSAC	M35
7	CHENG KA MING AARON	鄭家名	DBSAC	M35
8	CHEUNG HANG YIU	張恒曜	WYK	M35
9	GRANT LUCAS		AVOHK	M35
10	HO CHING HIM	何正謙	RMAC	M35
11	KWONG YAN HIN ANSON	鄺恩衍	DBSAC	M35
12	LAW YUEN TO	羅遠韜	LSCAC	M35
13	LEUNG WAI MAN RAYMOND	梁緯文	DBSAC	M35
14	LI JING BING	李晶冰	DGD	M35
15	MOK DENNIS KA HONG	莫家康	DBSAC	M35
16	NG MING SUM RICKY	吳銘心	SCAA	M35
17	THANISLAS JOHN PETER		LSCAC	M35
18	YAM CHUN MING GARY	任鎮明	LSCAC	M35
19	YUEN CHUN PONG	原振邦	LSCAC	M35

### Men's M35 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN FEI LUNG	陳飛龍	LWRC	M35
2	LEUNG JEFFREY	梁晏碩	DBSAC	M35
3	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
4	BASSETTO SANDRO	白誠德	LSCAC	M35
5	CHAN WING KIU	陳穎橋	HVAA	M35
6	CHUI LIK HANG LEON	徐力行	DBSAC	M35
7	LO CHING HIN IVAN	勞証顯	DBSAC	M35
8	ZHANG YIFEI	張宜飛	SZGM	M35

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN FEI LUNG	陳飛龍	LWRC	M35
2	LAU KAI CHUNG	劉啟聰	RMAC	M35
3	CHEUNG CHE TSUEN DESMOND		LSCAC	M35
4	YEUNG YEUK FAI	楊躍輝	SCAA	M35
5	LEE KIN LIK KENNETH	李健力	WYK	M35
6	AU YEUNG HAU YING	歐陽校英	WYK	M35
7	CHEUNG GARY CHUNG YEE	張仲頤	DBSAC	M35
8	CHONG HO BONG	鍾灝邦	DBSAC	M35
9	CHUI LIK HANG LEON	徐力行	DBSAC	M35
10	HO TAT HENG FREDERICK	何達亨	DBSAC	M35
11	LIN CHUN KIT	連俊傑	LSCAC	M35
12	LO CHING HIN IVAN	勞証顯	DBSAC	M35
13	MAN SIU KIT	文少杰	RMAC	M35
14	MAN TING PONG	文定邦	CASRC	M35
15	TAM HO YIN	譚浩言	DBSAC	M35

### Men's M35 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN FEI LUNG	陳飛龍	LWRC	M35
2	CHOI JORDAN		LSCAC	M35
3	LAW YIP CHUNG	羅業聰	CSDSA	M35
4	MAK KIN SING MIKE	麥建升	CSDSA	M35
5	CHEUNG KENDRICK	張嘉晉	LSCAC	M35
6	CHU KA HO	朱加豪	LSCAC	M35
7	TSE MO PANG	謝武鵬	PoliceAC	M35
8	LAI CAMERON JUN MAN	黎俊文	LSCAC	M35
9	LEE YIU KEI CHARLES	李耀基	LSCAC	M35
10	NG YUET WAI IVAN	吳聿韡	LSCAC	M35
11	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
12	CHEUNG CHE TSUEN DESMOND		LSCAC	M35
13	KWANKWUNSING	關冠昇	LWRC	M35
14	LAI TSUN TING	黎雋廷	DBSAC	M35

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
15	LAW YUEN TO	羅遠韜	LSCAC	M35
16	LEUNG JEFFREY	梁晏碩	DBSAC	M35
17	LO CHING HIN IVAN	勞証顯	DBSAC	M35
18	LUK MARSHALL HO FUNG	陸浩峰	DBSAC	M35
19	WONG TSZ HONG KENNETH	黃子康	DBSAC	M35
20	WONG WAI HO	黃偉豪	PoliceAC	M35
21	YU CHI KEUNG PETER	余志强	LSCAC	M35

### Men's M35 - 3000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	TANG CHEUK YIN	鄧焯言	SCAA	M35
2	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
3	AU YEUNG HAU YING	歐陽校英	WYK	M35
4	CHUNG AUTHUR	鍾晉軒	DBSAC	M35
5	HO TAT HENG FREDERICK	何達亨	DBSAC	M35

### Men's M35 - 110mH

	Name	姓名	Team	Category
1	CHU CHEUK HUNG	朱卓鴻	SCAA	M35
2	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
3	LAU WING HANG RINGO	劉咏杏	DBSAC	M35
4	LEUNG WAI MAN RAYMOND	梁緯文	DBSAC	M35
5	LIYEUNG LEO	李揚立德	DBSAC	M35
6	SONG XUE MIAO	宋学淼	DGD	M35
7	YEUNG CHUN YIN JARVIS	楊俊彥	DBSAC	M35

### Men's M35 - 400mH

	Name	姓名	Team	Category
1	LAM NGA TIK EDDY	林雅迪	LSCAC	M35
2	CHEUNG HANG YIU	張恒曜	WYK	M35
3	CHEUNG GARY CHUNG YEE	張仲頤	DBSAC	M35
4	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
5	LAU WING HANG RINGO	劉咏杏	DBSAC	M35
6	LEUNG CHI KWAN	梁志坤	CEDSRC	M35

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - 400mH

Name	姓名	Team	Category
7 LIYEUNG LEO	李揚立德	DBSAC	M35
8 YEUNG CHUN YIN JARVIS	楊俊彥	DBSAC	M35
9 ZHANG YIFEI	張宜飛	SZGM	M35

### Men's M35 - 5000mRW

Name	姓名	Team	Category
1 LEE YIU KEI CHARLES	李耀基	LSCAC	M35
2 LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
3 HON CHUNG HEI	韓松熹	DBSAC	M35
4 SWAMINATHAN SHYAM SUNDAR		IND-SS	M35
5 WONG CHIH YAN IVAN	黃喆仁	DBSAC	M35

### Men's M35 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
1 九龍華仁書院M35 4X100		WYK	M35
2 上海田徑大師隊 M35 4X100		DGD	M35
3 赤道體育會 M35 4X100		BAC	M35
4 拔萃男書院田徑會 M35 4X100 A		DBSAC	M35
5 拔萃男書院田徑會 M35 4X100 B		DBSAC	M35
6 南華體育會 M35 4X100		SCAA	M35
7 喇沙書院田徑會 M35 4X100		LSCAC	M35
8 警察田徑會 M35 4X100		PoliceAC	M35

### Men's M35 - 4X400m

Name	姓名	Team	Category
1 九龍華仁書院M35 4X400		WYK	M35
2 上海田徑大師隊 M35 4X400		DGD	M35
3 赤道體育會 M35 4X400		BAC	M35
4 拔萃男書院田徑會 M35 4X400 A		DBSAC	M35
5 拔萃男書院田徑會 M35 4X400 B		DBSAC	M35
6 南華體育會 M35 4X400		SCAA	M35
7 喇沙書院田徑會 M35 4X400 A		LSCAC	M35
8 喇沙書院田徑會 M35 4X400 B		LSCAC	M35

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG IP HOI	黃業海	MAC-Masters	M35
2	GRANT LUCAS		AVOHK	M35
3	Cheung Tak Fai	張德輝	CSWAC	M35
4	PENG LIANG TONY	彭亮	PoliceAC	M35
5	LI KIT	李杰	SCAA	M35
6	CHUNG AUTHUR	鍾晉軒	DBSAC	M35
7	LAM SHING LUN	林勝倫	PoliceAC	M35
8	CUNNINGHAM DAMIEN	簡迪勉	DBSAC	M35
9	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
10	WONG CHIH YAN IVAN	黃喆仁	DBSAC	M35
11	CHAN CHAK PAN	陳澤斌	DBSAC	M35
12	CHAN JIMMY	陳栢豪	DBSAC	M35
13	CHONG HO BONG	鍾灝邦	DBSAC	M35
14	CHOW CHUN YIN	周俊賢	DBSAC	M35
15	GNANESHWAR SEETHARAM		IND-NAAA	M35
16	KO THA FUNG	高沓峯	DBSAC	M35
17	KONG CHAK FUNG	江澤峰	BAC	M35
18	KONG WING HANG	江永恒	DART	M35
19	LAI CHUN HO	黎振浩	DBSAC	M35
20	LAM WAI	林瑋	WAC	M35
21	LAU ANSON KWOK PAN	劉國彬	DBSAC	M35
22	LAW DOMINIC	羅正義	LSCAC	M35
23	LEE CHI CHEUNG	李志祥	SCAA	M35
24	LEE HO YIN	李浩然	TCAA	M35
25	LEUNG JINN HO BENJAMIN	梁展豪	TCAA	M35
26	LIYEUNG LEO	李揚立德	DBSAC	M35
27	NG KA HO	吳茄曷	DBSAC	M35
28	NG TING HIN	吳庭軒	DBSAC	M35
29	TANG KIN YIP	鄧建業	WYK	M35
30	THANISLAS JOHN PETER		LSCAC	M35
31	Toh Wei De	卓维德	SMTFA	M35

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
32	YUEN KAM WAI	袁錦偉	DBSAC	M35
33	YUEN WAI KUEN	袁偉權	DBSAC	M35

### Men's M35 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	GRANT LUCAS		AVOHK	M35
2	LAM SHING LUN	林勝倫	PoliceAC	M35
3	WONG IP HOI	黃業海	MAC-Masters	M35
4	LAM WAN HING	林蘊興	DBSAC	M35
5	LAW DOMINIC	羅正義	LSCAC	M35
6	CUNNINGHAM DAMIEN	簡迪勉	DBSAC	M35
7	LIYEUNG LEO	李揚立德	DBSAC	M35
8	WONG CHIH YAN IVAN	黃喆仁	DBSAC	M35
9	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
10	CHEUNG CHUN HIN KELVIN	張俊軒	DBSAC	M35
11	GNANESHWAR SEETHARAM		IND-NAAA	M35
12	KO THA FUNG	高沓峯	DBSAC	M35
13	LAM WAI	林瑋	WAC	M35
14	LAU ANSON KWOK PAN	劉國彬	DBSAC	M35
15	LAU WILSON	劉緯俊	DBSAC	M35
16	LEE CHI CHEUNG	李志祥	SCAA	M35
17	LEE HO YIN	李浩然	TCAA	M35
18	LEUNG JINN HO BENJAMIN	梁展豪	TCAA	M35
19	NG KA HO	吳茄曷	DBSAC	M35
20	PRASANNA VENKATESH		IND-NAAA	M35
21	SLUTSKY HOLDEN NATTER		CGHCAC	M35
22	SONG XUE MIAO	宋学淼	DGD	M35
23	TANG KIN YIP	鄧建業	WYK	M35
24	Toh Wei De	卓维德	SMTFA	M35
25	TSE WING LUNG	謝永龍	DART	M35
26	WONG CHUN KIT	黃俊傑	DBSAC	M35
27	WU FONG HIU	胡昉曉	DBSAC	M35

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
28	YAM WAI MING	任煒明	CSDSA	M35
29	YEUNG MING KIU	楊銘翹	BAC	M35

### Men's M35 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG IP HOI	黃業海	MAC-Masters	M35
2	GRANT LUCAS		AVOHK	M35
3	PENG LIANG TONY	彭亮	PoliceAC	M35
4	SLUTSKY HOLDEN NATTER		CGHCAC	M35
5	LIYEUNG LEO	李揚立德	DBSAC	M35
6	LI KIT	李杰	SCAA	M35
7	LAU PAK KI	劉柏奇	LSCAC	M35
8	WONG AMBROSE	黃彥	DBSAC	M35
9	CHEUNG GARY CHUNG YEE	張仲頤	DBSAC	M35
10	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
11	WONG CHIH YAN IVAN	黃喆仁	DBSAC	M35
12	CHAN CHUN KIT	陳駿杰	DBSAC	M35
13	CHEUNG CHUN HIN KELVIN	張俊軒	DBSAC	M35
14	CUNNINGHAM DAMIEN	簡迪勉	DBSAC	M35
15	LAM NGA TIK EDDY	林雅迪	LSCAC	M35
16	LAU ANSON KWOK PAN	劉國彬	DBSAC	M35
17	LAU WILSON	劉緯俊	DBSAC	M35
18	LEE HO YIN	李浩然	TCAA	M35
19	LIANG BIN AN	梁彬安	DGD	M35
20	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
21	NG KA HO	吳茄曷	DBSAC	M35
22	NG YUET WAI IVAN	吳聿韡	LSCAC	M35
23	PRASANNA VENKATESH		IND-NAAA	M35
24	SONG XUE MIAO	宋学淼	DGD	M35
25	TSE WING LUNG	謝永龍	DART	M35

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG HON LEUNG	黃漢良	DBSAC	M35
2	TANG CHEUK YIN	鄧焯言	SCAA	M35
3	WONG CHUN KIT	黃俊傑	DBSAC	M35
4	WONG AMBROSE	黃彥	DBSAC	M35
5	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
6	CHAN CHAK PAN	陳澤斌	DBSAC	M35
7	WONG CHIH YAN IVAN	黃喆仁	DBSAC	M35
8	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
9	BASSETTO SANDRO	白誠德	LSCAC	M35
10	CHU LAI HIN	朱禮軒	DART	M35
11	LAU WING HANG RINGO	劉咏杏	DBSAC	M35
12	LAU WING MAN	劉穎文	DBSAC	M35
13	LEE WING YIN	李穎賢	DBSAC	M35
14	LIANG BIN AN	梁彬安	DGD	M35
15	WON KIN NANG	黃見能	TCAA	M35
16	Wong Hei Chun	黃晞峻	CSWAC	M35
17	WONG KA CHAK	王嘉擇	HKU	M35
18	YAM WAI MING	任煒明	CSDSA	M35
19	YUEN CHUN PONG	原振邦	LSCAC	M35
20	ZHANG YIFEI	張宜飛	SZGM	M35

### Men's M35 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	CHU LAI HIN	朱禮軒	DART	M35
2	GRANT LUCAS		AVOHK	M35
3	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
4	LAM HO FUNG	林昊鋒	WYK	M35
5	LAU WING MAN	劉穎文	DBSAC	M35
6	LEUNG WAI MAN RAYMOND	梁緯文	DBSAC	M35
7	LIANG BIN AN	梁彬安	DGD	M35
8	LIU WUN TSUN	廖煥浚	SHTB	M35
9	NG MING SUM RICKY	吳銘心	SCAA	M35

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M35 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
10	TANG CHEUK YIN	鄧焯言	SCAA	M35
11	WON KIN NANG	黃見能	TCAA	M35
12	WONG CHIH YAN IVAN	黃喆仁	DBSAC	M35
13	WONG HON LEUNG	黃漢良	DBSAC	M35
14	YEUNG CHUN YIN JARVIS	楊俊彥	DBSAC	M35

### Men's M35 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	LAM HO FUNG	林昊鋒	WYK	M35
2	YUEN CHUN PONG	原振邦	LSCAC	M35
3	WU WEIZHONG	吳偉鍾	JSA	M35
4	LI KIT	李杰	SCAA	M35
5	YEUNG CHUN YIN JARVIS	楊俊彥	DBSAC	M35
6	HAU WING CHUNG VINCENT	侯穎聰	LSCAC	M35
7	LAU WING MAN	劉穎文	DBSAC	M35
8	LEUNG WAI MAN RAYMOND	梁緯文	DBSAC	M35
9	WONG KA CHAK	王嘉擇	HKU	M35
10	YEUNG MING KIU	楊銘翹	BAC	M35

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	MEKWIAN JIRAPONG		THA	M40
2	LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘	WYK	M40
3	WONG ROBERT		WAC	M40
4	SUKAPHAI APINAN		THA	M40
5	LEE KAI YIU	李啟堯	BAC	M40
6	TAM WING PAN	譚榮斌	BAC	M40
7	CHEUNG KA LAI	張嘉禮	BAC	M40
8	LAU HING	劉鑫	BAC	M40
9	KHUNKAEW SONSAK		THA	M40
10	CHEUNG HIN	張軒	PoliceAC	M40
11	JOHN NIGEL		BAC	M40
12	LI WAI LAM	李慧霖	DBSAC	M40
13	LIU HANG CHIU	廖恆照	CGHCAC	M40
14	CHAN YU LOK	陳宇樂	PoliceAC	M40
15	BU YUN HAN	卜允涵	DGD	M40
16	CHEN XI	陳曦	SCAA	M40
17	CHENG CHUN YEUNG	鄭振揚	DBSAC	M40
18	CHU WING YAT	朱永日	CGHCAC	M40
19	HO HUI HIN	何栩軒	SCAA	M40
20	LEUNG CHI HANG	梁志鏗	WYK	M40
21	LEUNG CHI HONG	梁志匡	WYK	M40
22	LU JIAN TING	陆剑亭	DGD	M40
23	SUWANNARANGSRI RATCHAKRIT		THA	M40
24	YAN HO CHUN	殷浩俊	DBSAC	M40
25	YEUNG WING HONG	楊永康	BAC	M40

### Men's M40 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘	WYK	M40
2	LEE KAI YIU	李啟堯	BAC	M40
3	PARRY MICHAEL	彭懿葭	BAC	M40
4	WONG ROBERT		WAC	M40

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
5	CHEUNG HIN	張軒	PoliceAC	M40
6	TAM WING PAN	譚榮斌	BAC	M40
7	JOHN NIGEL		BAC	M40
8	CHEUNG KA LAI	張嘉禮	BAC	M40
9	YAN HO CHUN	殷浩俊	DBSAC	M40
10	LAU HING	劉鑫	BAC	M40
11	CHEUNG WING FAI	張榮輝	PoliceAC	M40
12	CHEUNG TAI YIP KENO	張泰業	DBSAC	M40
13	Barwicki Pawel		POL	M40
14	BU YUN HAN	卜允涵	DGD	M40
15	CHEN XI	陳曦	SCAA	M40
16	HO HUI HIN	何栩軒	SCAA	M40
17	KHUNKAEW SONSAK		THA	M40
18	LU JIAN TING	陆剑亭	DGD	M40
19	MUKDASANIT RATTAPOL		THA	M40
20	SUKAPHAI APINAN		THA	M40
21	WONG DANIEL	黃祈恩	LSCAC	M40
22	YEUNG WING HONG	楊永康	BAC	M40

### Men's M40 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	TANG CHUN YIP	鄧駿業	PoliceAC	M40
2	LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘	WYK	M40
3	PARRY MICHAEL	彭懿葭	BAC	M40
4	Barwicki Pawel		POL	M40
5	LAU HING	劉鑫	BAC	M40
6	CHEUNG WING FAI	張榮輝	PoliceAC	M40
7	CHEUNG KA YI	張家怡	WYK	M40
8	CHEUNG HIN	張軒	PoliceAC	M40
9	HO HUI HIN	何栩軒	SCAA	M40
10	KONG CHAK LEUNG	江澤樑	DBSAC	M40
11	MANOHARAN KARTHIK		IND-NAAA	M40

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
12	MUKDASANIT RATTAPOL		THA	M40
13	NG WAI KEI KEVIN	吳偉基	DBSAC	M40
14	SHE WONG HOI	石黃海	DBSAC	M40
15	WONG KWOK LEUNG	王國良	SCAA	M40
16	YEUNG WING HONG	楊永康	BAC	M40
17	YIM WING CHUNG	嚴詠竣	PoliceAC	M40
18	YIU PAK TO	姚柏濤	DBSAC	M40

### Men's M40 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	ROBBIE RYAN		AVOHK	M40
2	WONG WAI SHIN WAYNE	王威善	DBSAC	M40
3	HUI SIU TUNG	許兆東	DBSAC	M40
4	LAU HING	劉鑫	BAC	M40
5	HO LOK CHI WILLIAM	何樂智	LSCAC	M40
6	CHENG FU ON	鄭富安	DBSAC	M40
7	CHAN CHEUK MAN	陳焯文	RMAC	M40
8	CHAN SIK NING	陳錫寧	SCAA	M40
9	CHAN YU LOK	陳宇樂	PoliceAC	M40
10	CHENG HOK SUM	鄭學森	PoliceAC	M40
11	HUI CHEUK YIN DEREK	許焯彥	LSCAC	M40
12	KO HON KWAN ALEX		DBSAC	M40
13	LI CHUNG LUN	李宗倫	DBSAC	M40
14	MANOHARAN KARTHIK		IND-NAAA	M40
15	POON KAM FAI	潘錦暉	BAC	M40
16	WOO DAVID		AVOHK	M40
17	YIM WING CHUNG	嚴詠竣	PoliceAC	M40

### Men's M40 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	WOO DAVID		AVOHK	M40
2	MA SIU HANG DICKSON	馬兆鏗	LSCAC	M40
3	HUI SIU TUNG	許兆東	DBSAC	M40

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
4	WONG WAI SHIN WAYNE	王威善	DBSAC	M40
5	CHENG FU ON	鄭富安	DBSAC	M40
6	LAI YIN CHUNG	賴彥宗	PKMSAA	M40
7	CHAN CHEUK MAN	陳焯文	RMAC	M40
8	CHAN SAI LIM	陳世廉	LSCAC	M40
9	CHAN SIK NING	陳錫寧	SCAA	M40
10	CHENG HOK SUM	鄭學森	PoliceAC	M40
11	HO LOK CHI WILLIAM	何樂智	LSCAC	M40
12	HUI CHEUK YIN DEREK	許焯彦	LSCAC	M40
13	KO HON KWAN ALEX		DBSAC	M40
14	MANOHARAN KARTHIK		IND-NAAA	M40
15	TSANG FAN CHUN		LSCAC	M40
16	WONG SHUN TAK	黃信德	RMAC	M40
17	YUEN WAN HO	袁允灝	AVOHK	M40

### Men's M40 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	WOO DAVID		AVOHK	M40
2	HUI SIU TUNG	許兆東	DBSAC	M40
3	CHAN KWUN KIU JASON	陳冠喬	LSCAC	M40
4	HO LOK CHI WILLIAM	何樂智	LSCAC	M40
5	CHENG FU ON	鄭富安	DBSAC	M40
6	WONG KAI YIN	黃啟然	PKMSAA	M40
7	CHAN LAI CHIU	陳禮朝	RMAC	M40
8	HUI CHEUK YIN DEREK	許焯彦	LSCAC	M40
9	MANOHARAN KARTHIK		IND-NAAA	M40
10	PUN TAK KIU	潘德翹	WAC	M40
11	WONG KA LUN	王嘉倫	WYK	M40
12	WONG KWOK LEUNG	王國良	SCAA	M40
13	WONG SHUN TAK	黃信德	RMAC	M40
14	YEUNG HON WAI	楊漢威	CASRC	M40

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - 3000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	CHENG FU ON	鄭富安	DBSAC	M40
2	HUI SIU TUNG	許兆東	DBSAC	M40
3	LEUNG WAI HUNG	梁偉雄	DBSAC	M40
4	LI CHUNG LUN	李宗倫	DBSAC	M40

### Men's M40 - 110mH

	Name	姓名	Team	Category
1	LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘	WYK	M40
2	CHEUNG KA LAI	張嘉禮	BAC	M40
3	CHAU ON KIT	周安傑	TCAA	M40
4	LEUNG TSZ KI	梁子琦	DBSAC	M40
5	LUNG DONALD ANDREW	龍振國	DBSAC	M40
6	CHENG CHUN YEUNG	鄭振揚	DBSAC	M40
7	CHEUNG KA YI	張家怡	WYK	M40
8	KAN YAT KIT	簡溢傑	DBSAC	M40
9	LEUNG CHI HANG	梁志鏗	WYK	M40
10	LI FU CHUEN KAMIL	李富全	PoliceAC	M40
11	LUI KA LOK	呂家樂	DBSAC	M40
12	TAM PING KWAN	譚秉鈞	CEDSRC	M40

### Men's M40 - 400mH

	Name	姓名	Team	Category
1	LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘	WYK	M40
2	LAM TING PANG	林定邦	MAC-Masters	M40
3	CHEUNG KA LAI	張嘉禮	BAC	M40
4	SHE WONG HOI	石黃海	DBSAC	M40
5	LEUNG TSZ KI	梁子琦	DBSAC	M40
6	CHAN KA HO KALVIN	陳家豪	LSCAC	M40
7	CHAU ON KIT	周安傑	TCAA	M40
8	CHEUNG KA YI	張家怡	WYK	M40
9	KAN YAT KIT	簡溢傑	DBSAC	M40
10	LUNG DONALD ANDREW	龍振國	DBSAC	M40
11	WONG CHING YIN	王靖賢	DBSAC	M40

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - 400mH

Name	姓名	Team	Category
12 YIU PAK TO	姚柏濤	DBSAC	M40

### Men's M40 - 5000mRW

Name	姓名	Team	Category
1 TSE CHUN HUNG	謝振雄	SHTB	M40
2 IP KWAN MING CLEMENT	葉坤明	DBSAC	M40
3 YEUNG TAI WAI	楊大慧	DBSAC	M40
4 CHEUNG TAI YIP KENO	張泰業	DBSAC	M40
5 DURAISAMY VIJINTH		SRI-MGA	M40
6 HONG KWAN YU	康鈞宇	SHTB	M40
7 KONG CHAK LEUNG	江澤樑	DBSAC	M40
8 PUN TAK KIU	潘德翹	WAC	M40
9 WAI MAN CHIK	韋文植	DBSAC	M40

### Men's M40 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
1 THAILAND M40 4X100		THA	M40
2 九龍華仁書院M40 4X100		WYK	M40
3 赤道體育會 M40 4X100 A		BAC	M40
4 赤道體育會 M40 4X100 B		BAC	M40
5 拔萃男書院田徑會 M40 4X100 A		DBSAC	M40
6 拔萃男書院田徑會 M40 4X100 B		DBSAC	M40
7 南華體育會 M40 4X100		SCAA	M40
8 香港元老田徑會M40 4X100		AVOHK	M40
9 培僑中學校友會 M40 4X100		PKMSAA	M40
10 張振興書院田徑會 M40 4X100		CGHCAC	M40
11 喇沙書院田徑會 M40 4X100		LSCAC	M40
12 警察田徑會 M40 4X100		PoliceAC	M40

### Men's M40 - 4X400m

Name	姓名	Team	Category
1 THAILAND M40 4X400		THA	M40
2 九龍華仁書院M40 4X400		WYK	M40
3 赤道體育會 M40 4X400 A		BAC	M40

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - 4X400m

	Name	姓名	Team	Category
4	赤道體育會 M40 4X400 B		BAC	M40
5	拔萃男書院田徑會 M40 4X400 A		DBSAC	M40
6	拔萃男書院田徑會 M40 4X400 B		DBSAC	M40
7	香港女子健跑會 M40 4X400		HKLRRRC	M40
8	香港元老田徑會M40 4X400		AVOHK	M40
9	培僑中學校友會 M40 4X400		PKMSAA	M40
10	喇沙書院田徑會 M40 4X400 A		LSCAC	M40
11	喇沙書院田徑會 M40 4X400 B		LSCAC	M40
12	警察田徑會 M40 4X400		PoliceAC	M40

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	PANG KING KIN	彭景鍵	SJC	M40
2	HO KOON LAM WILSON	何冠霖	DBSAC	M40
3	HON LEUNG	韓亮	DBSAC	M40
4	LAM YAU SUN DICKSON	林友燊	DBSAC	M40
5	NGAN SAU YAT DARYL	顏首一	DBSAC	M40
6	YEUNG EDWIN CHUN YUE	楊鎮宇	DBSAC	M40
7	HUNG CHEUNG KIT JOHN	孔祥傑	DBSAC	M40
8	NG WAI KEI KEVIN	吳偉基	DBSAC	M40
9	TANG TIN CHI	鄧天智	DBSAC	M40
10	CHEUNG TAI YIP KENO	張泰業	DBSAC	M40
11	CHAN SAMUEL STEPHEN CHI CHUN	陳子進	DBSAC	M40
12	MOK LAI HONG CHARLES	莫禮康	DBSAC	M40
13	CHAN CHEUK MAN	陳焯文	RMAC	M40
14	CHAN JASON	陳澤燊	DBSAC	M40
15	DASAN LOURDHU JUDE		LSCAC	M40
16	HOWIE PERCIVAL NAVEEN		IND-NAAA	M40
17	LI KA KI	李家其	LSCAC	M40
18	LUI KA LOK	呂家樂	DBSAC	M40
19	SHE WONG HOI	石黃海	DBSAC	M40
20	WONG CHUN HUNG NELSON	王俊雄	DBSAC	M40

### Men's M40 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	IP YUI SUN	葉銳新	DBSAC	M40
2	HO KOON LAM WILSON	何冠霖	DBSAC	M40
3	KOLJONEN PAUL	高日藍	DBSAC	M40
4	SHE WONG HOI	石黃海	DBSAC	M40
5	YEUNG EDWIN CHUN YUE	楊鎮宇	DBSAC	M40
6	HON LEUNG	韓亮	DBSAC	M40
7	CHEUNG TAI YIP KENO	張泰業	DBSAC	M40
8	HUNG CHEUNG KIT JOHN	孔祥傑	DBSAC	M40
9	YEUNG TAI WAI	楊大慧	DBSAC	M40

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
10	MOK LAI HONG CHARLES	莫禮康	DBSAC	M40
11	CHAN JASON	陳澤燊	DBSAC	M40
12	DURAISAMY VIJINTH		SRI-MGA	M40
13	HOWIE PERCIVAL NAVEEN		IND-NAAA	M40
14	LAM TING PANG	林定邦	MAC-Masters	M40
15	LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘	WYK	M40
16	LUI KA LOK	呂家樂	DBSAC	M40

### Men's M40 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	CHOW WAI KIN	周偉健	CGHCAC	M40
2	IP YUI SUN	葉銳新	DBSAC	M40
3	LAU CHUN KI	劉焯棋	RMAC	M40
4	CHAN CHUN TING ANDREW	陳俊廷	WYK	M40
5	CHEUNG TAI YIP KENO	張泰業	DBSAC	M40
6	KOLJONEN PAUL	高日藍	DBSAC	M40
7	TANG TIN CHI	鄧天智	DBSAC	M40
8	LUI KA LOK	呂家樂	DBSAC	M40
9	CHAN YU LOK	陳宇樂	PoliceAC	M40
10	HUNG CHEUNG KIT JOHN	孔祥傑	DBSAC	M40
11	HON LEUNG	韓亮	DBSAC	M40
12	CHIO KAI MING	招啟明	DBSAC	M40
13	MOK LAI HONG CHARLES	莫禮康	DBSAC	M40
14	YEUNG TAI WAI	楊大慧	DBSAC	M40
15	CHAN JASON	陳澤燊	DBSAC	M40
16	CHAUDHARY RAJAT		PHI-NMSAA	M40
17	CONSTANTINO CHRISTOPHER		PHI-NMSAA	M40
18	DURAISAMY VIJINTH		SRI-MGA	M40
19	HOWIE PERCIVAL NAVEEN		IND-NAAA	M40
20	LEE MING CHUNG	李銘冲	CGHCAC	M40
21	LI FU CHUEN KAMIL	李富全	PoliceAC	M40
22	NG HON MING	吳翰鳴	WAC	M40

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - Javelin Throw

Name	姓名	Team	Category
23 WONG KWOK LEUNG	王國良	SCAA	M40
24 YEUNG HON MO	楊翰武	CGHCAC	M40

### Men's M40 - Long Jump

Name	姓名	Team	Category
1 IP YUI SUN	葉銳新	DBSAC	M40
2 SHE WONG HOI	石黃海	DBSAC	M40
3 CHAN KA HING	陳家興	PoliceAC	M40
4 KAN YAT KIT	簡溢傑	DBSAC	M40
5 KONG CHAK LEUNG	江澤樑	DBSAC	M40
6 CHIO KAI MING	招啟明	DBSAC	M40
7 CHENG CHUN YEUNG	鄭振揚	DBSAC	M40
8 CHEUNG KA YI	張家怡	WYK	M40
9 CHIU NGOK HEI	晁岳熙	DBSAC	M40
10 PUN TAK KIU	潘德翹	WAC	M40
11 SHUEN TSI SHING FELIX	孫子承	DBSAC	M40
12 TSANG FAN CHUN		LSCAC	M40
13 WONG MAN YUI	黃文銳	TCAA	M40
14 YEUNG WING HONG	楊永康	BAC	M40

### Men's M40 - Triple Jump

Name	姓名	Team	Category
1 CHENG CHUN YEUNG	鄭振揚	DBSAC	M40
2 CHEUNG KA YI	張家怡	WYK	M40
3 CHEUNG TAI YIP KENO	張泰業	DBSAC	M40
4 IP YUI SUN	葉銳新	DBSAC	M40
5 LAU HING	劉鑫	BAC	M40
6 LEUNG TSZ KI	梁子琦	DBSAC	M40
7 NG WAI KEI KEVIN	吳偉基	DBSAC	M40
8 WONG CHING YIN	王靖賢	DBSAC	M40
9 WONG MAN YUI	黃文銳	TCAA	M40

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M40 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	IP YUI SUN	葉銳新	DBSAC	M40
2	CHAU ON KIT	周安傑	TCAA	M40
3	LEUNG TSZ KI	梁子琦	DBSAC	M40
4	WAI MAN CHIK	韋文植	DBSAC	M40
5	LO KIN NGOK	勞健岳	DBSAC	M40
6	LUNG DONALD ANDREW	龍振國	DBSAC	M40
7	CHANG MAN KIT	張文傑	WYK	M40
8	DURAISAMY VIJINTH		SRI-MGA	M40
9	HUI KIN SHING	許建成	DBSAC	M40
10	LEE MING CHUNG	李銘冲	CGHCAC	M40
11	LI FU CHUEN KAMIL	李富全	PoliceAC	M40

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
2	WONG CHARLES CHUN YIP	黃振業	BAC	M45
3	YEUNG CHI HANG	楊志恒	BAC	M45
4	CHAN WING KWONG DEREK	陳永光	LSCAC	M45
5	CHAN SAN HEI ALAN	陳新禧	DBSAC	M45
6	CHIU SUNG LI	趙崇理	BAC	M45
7	LEUNG HO MAN	梁浩民	SJC	M45
8	CHEUNG CHIN TUNG	張展東	SJC	M45
9	AU CHRIS	區志豪	LSCAC	M45
10	YUEN LEONARD	源旭	DBSAC	M45
11	LAM KING WAI	林經緯	DBSAC	M45
12	LAU SHING	劉盛	BAC	M45
13	TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45
14	CHAN YUNG FEI	陳庸非	WYK	M45
15	CHOW MING YIN	周銘賢	BAC	M45
16	CHU CHEUK KIT JACKIE	朱卓傑	JSA	M45
17	FUNG CHI HO	馮志豪	CSDSA	M45
18	LAI KAN YIN	黎謹賢	PKMSAA	M45
19	LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
20	NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
21	TANG KAI SING	鄧啟昇	LSCAC	M45
22	TO KWOK HOI	涂國海	BAC	M45
23	TUNG HING CHUNG		LSCAC	M45
24	WONG SHUI MING		PAC	M45
25	YAU TAK HIM	丘德謙	PAC	M45

### Men's M45 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
2	YEUNG WAI KONG	楊偉剛	BAC	M45
3	LO MARK	盧致恒	LSCAC	M45
4	WONG CHARLES CHUN YIP	黃振業	BAC	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
5	YEUNG CHI HANG	楊志恒	BAC	M45
6	CHAN SAN HEI ALAN	陳新禧	DBSAC	M45
7	CHIU SUNG LI	趙崇理	BAC	M45
8	CHAN WING KWONG DEREK	陳永光	LSCAC	M45
9	LEUNG HO MAN	梁浩民	SJC	M45
10	CHEUNG CHIN TUNG	張展東	SJC	M45
11	CHAN CHUNG YU MARK	陳頌瑜	DBSAC	M45
12	YUEN LEONARD	源旭	DBSAC	M45
13	CHAN YUNG FEI	陳庸非	WYK	M45
14	CHAN CHI YIP	陳智業	WYK	M45
15	FUNG CHI HO	馮志豪	CSDSA	M45
16	NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
17	WONG TING YAN	黃廷恩	CSKOBA	M45
18	YAU TAK HIM	丘德謙	PAC	M45

### Men's M45 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	LEUNG TAT WAI	梁達威	PAC	M45
2	CHAN WAI KEUNG	陳偉強	SCAA	M45
3	KWAN TZE LUN	關子麟	PoliceAC	M45
4	CHAN KA WAI	陳家偉	PAC	M45
5	CHAN SAN HEI ALAN	陳新禧	DBSAC	M45
6	LO MARK	盧致恒	LSCAC	M45
7	CHAN CHUNG YU MARK	陳頌瑜	DBSAC	M45
8	TANG WING KIN	鄧永健	PAC	M45
9	LAM KING WAI	林經緯	DBSAC	M45
10	LI KIN HING	李健興	WYK	M45
11	RUAN WENJUN	阮文駿	SCAA	M45
12	CHAN CHI YIP	陳智業	WYK	M45
13	CHAN KING CHUNG ANTHONY	陳勁中	DBSAC	M45
14	CHAN MING YUI ERNEST	陳明睿	DBSAC	M45
15	CHEUNG YAN WING	張欣穎	DBSAC	M45

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
16	HUI HOK TUNG	許學東	DBSAC	M45
17	KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
18	LUI CHI WANG ROBERT	呂志宏	LSCAC	M45
19	MA KA CHUN	馬嘉俊	BAC	M45
20	PANG KWOK CHING	彭國程	CSKOBA	M45
21	TEASDALE MICHAEL GERARD		AVOHK	M45
22	WAN MAN HO	溫文灝	DBSAC	M45
23	YEUNG WAI KONG	楊偉剛	BAC	M45
24	YU YUK MING	余毓明	DBSAC	M45

### Men's M45 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN KA WAI	陳家偉	PAC	M45
2	CHAN WAI KEUNG	陳偉強	SCAA	M45
3	TSE MAN LUNG	謝文龍	SCAA	M45
4	YIP CHAK LUN GERALD	葉澤麟	DBSAC	M45
5	CHAN MING YUI ERNEST	陳明睿	DBSAC	M45
6	YUEN KWOK WAI	袁國偉	BAC	M45
7	YIP CHUN HANG	葉晉亨	DBSAC	M45
8	YEUNG BENJAMIN	楊家豪	DBSAC	M45
9	LI KIN HING	李健興	WYK	M45
10	NGUI MAU SHUN JOSEPH	魏茂信	DBSAC	M45
11	LAM KING WAI	林經緯	DBSAC	M45
12	HO TSZ HANG STEPHEN	何梓恒	SCAA	M45
13	HUI HOK TUNG	許學東	DBSAC	M45
14	TSANG ALBY	曾德輝	DBSAC	M45
15	AU YING MAN	區應民	LSCAC	M45
16	CHAN CHI YIP	陳智業	WYK	M45
17	CHAN HO KEI	陳浩基	HKLRRRC	M45
18	CHAN YAN YEE JACKER	陳殷懿	WYK	M45
19	CHAN YING HO	陳英豪	CSKOBA	M45
20	CHOW LING FUNG	周凌峰	CGHCAC	M45

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
21	FONG WAI KUK DENNIS	方緯谷	DBSAC	M45
22	KWAN TZE LUN	關子麟	PoliceAC	M45
23	KWOK WAI CHOI	郭偉才	CSKOBA	M45
24	LAU WING KEI STEPHEN	劉永基	DBSAC	M45
25	LEUNG TAT WAI	梁達威	PAC	M45
26	SHUM YIU MAN SIMON	沈耀文	JSA	M45
27	WONG CHO KAN STEPHEN	王祖勤	PoliceAC	M45
28	WONG SHUI MING		PAC	M45
29	YEUNG WAI KONG	楊偉剛	BAC	M45
30	ZAGURY ALAN		AVOHK	M45

### Men's M45 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN KA WAI	陳家偉	PAC	M45
2	WONG SHUI MING		PAC	M45
3	CHAN MING YUI ERNEST	陳明睿	DBSAC	M45
4	TANG YAT LAM AARON	鄧日霖	LSCAC	M45
5	NGUI MAU SHUN JOSEPH	魏茂信	DBSAC	M45
6	TSE MAN LUNG	謝文龍	SCAA	M45
7	TSANG ALBY	曾德輝	DBSAC	M45
8	CHAN CHI YIP	陳智業	WYK	M45
9	CHOW LING FUNG	周凌峰	CGHCAC	M45
10	DAGA-AS JOJIE L		PHI-NMSAA	M45
11	JIAO CHENG GAO	矯成高	DGD	M45
12	LUK WAI MAN	陸偉文	AVOHK	M45
13	NAM WAI SING	藍偉誠	PoliceAC	M45
14	PANG KWOK CHING	彭國程	CSKOBA	M45
15	SHUM YIU MAN SIMON	沈耀文	JSA	M45
16	YUEN KWOK WAI	袁國偉	BAC	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	YIP CHAK LUN GERALD	葉澤麟	DBSAC	M45
2	SO TSUNG NAM	蘇淙南	WAC	M45
3	YIP CHUN HANG	葉晉亨	DBSAC	M45
4	NGUI MAU SHUN JOSEPH	魏茂信	DBSAC	M45
5	POW LAP SHAN ALFRED	鮑立山	LSCAC	M45
6	CHAN KING CHUN	陳競進	LSCAC	M45
7	LAM CHEUNG SHING SONNY	林掌成	LSCAC	M45
8	TANG YAT LAM AARON	鄧日霖	LSCAC	M45
9	WONG CHI YUEN	黃智遠	LSCAC	M45
10	WONG KIN PONG	黃健邦	LSCAC	M45
11	CHAN KA LUNG ANDY	陳嘉龍	LSCAC	M45
12	CHAN MING YUI ERNEST	陳明睿	DBSAC	M45
13	DAGA-AS JOJIE L		PHI-NMSAA	M45
14	HUI CHEUK KIT FREDERICK	許卓傑	WYK	M45
15	JIAO CHENG GAO	矯成高	DGD	M45
16	LAI KWOK HANG	黎國恆	RMAC	M45
17	LAI SIU CHEONG	黎兆昌	WYK	M45
18	SO HOI NAM	蘇凱男	DBSAC	M45
19	TSANG HOI HONG	曾海康	RMAC	M45
20	WONG CHO KAN STEPHEN	王祖勤	PoliceAC	M45
21	ZAGURY ALAN		AVOHK	M45

### Men's M45 - 3000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN WAI KEUNG	陳偉強	SCAA	M45
2	NGUI MAU SHUN JOSEPH	魏茂信	DBSAC	M45
3	CHAN SIU HIN	陳嘯軒	BAC	M45
4	LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
5	CHAN CHING WAN	陳青雲	PoliceAC	M45
6	DAGA-AS JOJIE L		PHI-NMSAA	M45
7	LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45
8	RUAN WENJUN	阮文駿	SCAA	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 3000mSC

Name	姓名	Team	Category
9 SIM LEUNG WAI	沈樑威	TCAA	M45
10 SO HOI NAM	蘇凱男	DBSAC	M45
11 TSE MAN LUNG	謝文龍	SCAA	M45
12 YIP CHAK LUN GERALD	葉澤麟	DBSAC	M45

### Men's M45 - 110mH

Name	姓名	Team	Category
1 LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
2 LO MARK	盧致恒	LSCAC	M45
3 CHAN WAI KEUNG	陳偉強	SCAA	M45
4 CHAN SIU HIN	陳嘯軒	BAC	M45
5 FONG HIU SANG	方曉生	PoliceAC	M45
6 HO WAI LUN ALAN	何偉倫	DBSAC	M45
7 KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
8 NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
9 PANG KWOK CHING	彭國程	CSKOBA	M45
10 TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45

### Men's M45 - 400mH

Name	姓名	Team	Category
1 CHAN WAI KEUNG	陳偉強	SCAA	M45
2 LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
3 LO MARK	盧致恒	LSCAC	M45
4 FONG HIU SANG	方曉生	PoliceAC	M45
5 LAM KING WAI	林經緯	DBSAC	M45
6 HO PUI LUN ALAN	何沛倫	DBSAC	M45
7 HO WAI LUN ALAN	何偉倫	DBSAC	M45
8 LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45
9 TANG HON SING	鄧漢昇	DBSAC	M45
10 TIN JOHN TIK CHUEN	田迪尊	DBSAC	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 5000mRW

	Name	姓名	Team	Category
1	TIN JOHN TIK CHUEN	田迪尊	DBSAC	M45
2	POON FELIX	潘曉東	DBSAC	M45
3	LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
4	LEUNG DUN LOK	梁敦樂	DBSAC	M45
5	TSANG ALBY	曾德輝	DBSAC	M45
6	CHEUNG LAWRENCE YAN KIT	張欣傑	DBSAC	M45
7	CHOW KIT MAN	周傑文	DBSAC	M45
8	FONG WAI KUK DENNIS	方緯谷	DBSAC	M45
9	LAU MAN LUNG KEVIN	劉文龍	DBSAC	M45
10	LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45

### Men's M45 - 4X100m

	Name	姓名	Team	Category
1	九龍華仁書院M45 4X100		WYK	M45
2	赤道體育會 M45 4X100 A		BAC	M45
3	赤道體育會 M45 4X100 B		BAC	M45
4	拔萃男書院田徑會 M45 4X100 A		DBSAC	M45
5	拔萃男書院田徑會 M45 4X100 B		DBSAC	M45
6	南華體育會 M45 4X100		SCAA	M45
7	培僑中學校友會 M45 4X100		PKMSAA	M45
8	喇沙書院田徑會 M45 4X100		LSCAC	M45
9	警察田徑會 M45 4X100		PoliceAC	M45

### Men's M45 - 4X400m

	Name	姓名	Team	Category
1	九龍華仁書院M45 4X400		WYK	M45
2	赤道體育會 M45 4X400 A		BAC	M45
3	赤道體育會 M45 4X400 B		BAC	M45
4	拔萃男書院田徑會 M45 4X400 A		DBSAC	M45
5	拔萃男書院田徑會 M45 4X400 B		DBSAC	M45
6	南華體育會 M45 4X400		SCAA	M45
7	飛達田徑會 M45 4X400		PAC	M45
8	培僑中學校友會 M45 4X400		PKMSAA	M45

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - 4X400m

	Name	姓名	Team	Category
9	喇沙書院田徑會 M45 4X400 A		LSCAC	M45
10	喇沙書院田徑會 M45 4X400 B		LSCAC	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	HO WAI LUN	何偉倫	SJC	M45
2	MAK ROCKY WANLONG	麥雲龍	LSCAC	M45
3	HO PUI LUN ALAN	何沛倫	DBSAC	M45
4	KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
5	CHAN CHUNG YU MARK	陳頌瑜	DBSAC	M45
6	HO WAI LUN ALAN	何偉倫	DBSAC	M45
7	WANG MURPHY	王家峰	DBSAC	M45
8	YEUNG CHI HO HENRY	楊志豪	LSCAC	M45
9	LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45
10	CHAN SAN HEI ALAN	陳新禧	DBSAC	M45
11	YIU CHI FUNG JONATHAN	姚志峰	DBSAC	M45
12	TIN JOHN TIK CHUEN	田迪尊	DBSAC	M45
13	CHANG HSI TSE JOSEPH JEREMY	張熙澤	DBSAC	M45
14	CHEUNG LAWRENCE YAN KIT	張欣傑	DBSAC	M45
15	KWOK WAI CHOI	郭偉才	CSKOBA	M45
16	LAM KING YIN CLIFFORD	林敬然	DBSAC	M45
17	LI CHENGMIN	李成敏	PKMSAA	M45
18	LOPEZ CARMELO		LSCAC	M45
19	NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
20	SRIKANTH SELVAKUMAR		IND-NAAA	M45
21	SZE YEUNG KUEN MARCO	施養權	DBSAC	M45
22	TSANG KWOK TUNG	曾國棟	DBSAC	M45
23	TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45
24	Tseng Wun Hsiung	曾文雄	SMTFA	M45
25	WONG CHARLES CHUN YIP	黃振業	BAC	M45
26	WONG CHUN CHUNG	黃振中	WYK	M45
27	Yeo Ashley Hee Choo	楊喜春	SMTFA	M45

### Men's M45 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	HO WAI LUN	何偉倫	SJC	M45
2	CHAN CHIN WAN	陳展雲	DBSAC	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
3	CHAN CALVIN KA WAI	陳家偉	LSCAC	M45
4	CHAN CHUNG YU MARK	陳頌瑜	DBSAC	M45
5	LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45
6	TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45
7	TIN JOHN TIK CHUEN	田迪尊	DBSAC	M45
8	LUI LAMBERT	呂慶樑	DBSAC	M45
9	YIU CHI FUNG JONATHAN	姚志峰	DBSAC	M45
10	CHAN YING HO	陳英豪	CSKOBA	M45
11	CHENG SHIH HAO CECIL	程思浩	DBSAC	M45
12	LAM KING YIN CLIFFORD	林敬然	DBSAC	M45
13	LEE FRANCIS KAM LUN	李金倫	LSCAC	M45
14	LOPEZ CARMELO		LSCAC	M45
15	MAK ROCKY WANLONG	麥雲龍	LSCAC	M45
16	NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
17	TSANG KWOK TUNG	曾國棟	DBSAC	M45
18	Tseng Wun Hsiung	曾文雄	SMTFA	M45
19	WANG MURPHY	王家峰	DBSAC	M45
20	WONG PAK KI	黃栢麒	LSCAC	M45
21	Yeo Ashley Hee Choo	楊喜春	SMTFA	M45

### Men's M45 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	CHEUNG TAK LAI PHILIP	張德禮	LSCAC	M45
2	LO MARK	盧致恒	LSCAC	M45
3	HO PUI LUN ALAN	何沛倫	DBSAC	M45
4	CHAN CHUNG YU MARK	陳頌瑜	DBSAC	M45
5	TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45
6	LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45
7	LUI LAMBERT	呂慶樑	DBSAC	M45
8	CHAN WING KWONG DEREK	陳永光	LSCAC	M45
9	CHAN YING HO	陳英豪	CSKOBA	M45
10	CHENG SHIH HAO CECIL	程思浩	DBSAC	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
11	KWOK WAI CHOI	郭偉才	CSKOBA	M45
12	LEE FRANCIS KAM LUN	李金倫	LSCAC	M45
13	LI CHENGMIN	李成敏	PKMSAA	M45
14	LOPEZ CARMELO		LSCAC	M45
15	NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
16	NG CHUN CHIU STANLEY	伍進超	DBSAC	M45
17	TSANG KWOK TUNG	曾國棟	DBSAC	M45
18	TSE FU MING	謝富明	CEDSRC	M45
19	TSE MAN LUNG	謝文龍	SCAA	M45
20	Tseng Wun Hsiung	曾文雄	SMTFA	M45
21	WANG MURPHY	王家峰	DBSAC	M45
22	Yeo Ashley Hee Choo	楊喜春	SMTFA	M45

### Men's M45 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
2	LO MARK	盧致恒	LSCAC	M45
3	TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45
4	CHIU SUNG LI	趙崇理	BAC	M45
5	LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
6	CHAN SAN HEI ALAN	陳新禧	DBSAC	M45
7	CHU CHEUK KIT JACKIE	朱卓傑	JSA	M45
8	LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45
9	YEUNG CHI HO HENRY	楊志豪	LSCAC	M45
10	CHENG SHIH HAO CECIL	程思浩	DBSAC	M45
11	CHEUNG LAWRENCE YAN KIT	張欣傑	DBSAC	M45
12	CHOW MING YIN	周銘賢	BAC	M45
13	FUNG CHI HO	馮志豪	CSDSA	M45
14	HO PUI LUN ALAN	何沛倫	DBSAC	M45
15	LAI KAN YIN	黎謹賢	PKMSAA	M45
16	LAU SHING	劉盛	BAC	M45
17	NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - Long Jump

Name	姓名	Team	Category
18 PANG KWOK CHING	彭國程	CSKOBA	M45
19 TANG HON SING	鄧漢昇	DBSAC	M45
20 WAN MAN HO	溫文灝	DBSAC	M45
21 WONG MAN HO AARON	黃敏豪	DBSAC	M45

### Men's M45 - Triple Jump

Name	姓名	Team	Category
1 CHAN CHUNG YU MARK	陳頌瑜	DBSAC	M45
2 CHAN SAN HEI ALAN	陳新禧	DBSAC	M45
3 CHENG SHIH HAO CECIL	程思浩	DBSAC	M45
4 HO PUI LUN ALAN	何沛倫	DBSAC	M45
5 HO WAI LUN ALAN	何偉倫	DBSAC	M45
6 KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
7 LAU STEPHEN	劉名峰	DBSAC	M45
8 LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
9 LEUNG DUN LOK	梁敦樂	DBSAC	M45
10 MUKDASANIT NUTTAPONG		THA	M45
11 NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
12 PANG KWOK CHING	彭國程	CSKOBA	M45
13 TIN JOHN TIK CHUEN	田迪尊	DBSAC	M45
14 TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45
15 WAN MAN HO	溫文灝	DBSAC	M45

### Men's M45 - High Jump

Name	姓名	Team	Category
1 LAU YU HIU	劉宇曉	DBSAC	M45
2 CHAN YAN YEE JACKER	陳殷懿	WYK	M45
3 MAK ROCKY WANLONG	麥雲龍	LSCAC	M45
4 LO MARK	盧致恒	LSCAC	M45
5 LUI CHI WANG ROBERT	呂志宏	LSCAC	M45
6 CHU CHEUK KIT JACKIE	朱卓傑	JSA	M45
7 TSE KAI MING CARL	謝繼明	DART	M45
8 WONG CARRUK	黃嘉樂	DBSAC	M45

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M45 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
9	KRIEL ALDO	歐立德	BAC	M45
10	LEUNG SIU PAN	梁肇彬	DBSAC	M45
11	NG CHIT WING	吳哲穎	WAC	M45
12	WAN MAN HO	溫文灝	DBSAC	M45

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG KIN ON	黃健安	WYK	M50
2	LIU CHI YUNG	廖智勇	BAC	M50
3	CHAN LAP CHI	陳立致	BAC	M50
4	NG TAI WAI	吳大偉	PoliceAC	M50
5	CHEUNG PRINCETON	張嘉恆	DBSAC	M50
6	KWAN WING LOK	關永樂	BAC	M50
7	WAI YAT CHUNG PETER	衛逸聰	SJC	M50
8	NGAN HUNG PUN	顏鴻斌	SJC	M50
9	SIU HUBERT		LSCAC	M50
10	NGAI JOSEPH	倪以理	DBSAC	M50
11	CHEUNG ALAN		LSCAC	M50
12	FUNGFUANG WIRASAK		THA	M50
13	IP YIU TONG	葉耀堂	BAC	M50
14	LAM LOK FU	林樂夫	BAC	M50
15	LEE JOHN HO CHUEN	李浩銓	BAC	M50
16	NG KWOK LEUNG TERENCE	伍國樑	PoliceAC	M50
17	OR YIN SIK	柯延適	CSKOBA	M50
18	YU YUEN FAI	余遠輝	BAC	M50

### Men's M50 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG KIN ON	黃健安	WYK	M50
2	LIU CHI YUNG	廖智勇	BAC	M50
3	CHAN LAP CHI	陳立致	BAC	M50
4	KWAN WING LOK	關永樂	BAC	M50
5	WAI YAT CHUNG PETER	衛逸聰	SJC	M50
6	SIU HUBERT		LSCAC	M50
7	LAI WAI YEUNG	賴維揚	WYK	M50
8	NGAN HUNG PUN	顏鴻斌	SJC	M50
9	FUNGFUANG WIRASAK		THA	M50
10	NG KWOK LEUNG TERENCE	伍國樑	PoliceAC	M50
11	OR YIN SIK	柯延適	CSKOBA	M50

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG KIN ON	黃健安	WYK	M50
2	CHAN LAP CHI	陳立致	BAC	M50
3	CHEUNG ALAN		LSCAC	M50
4	WONG KAI TUNG DOMINIC	黃啟東	WYK	M50
5	SIU HUBERT		LSCAC	M50
6	LAI WAI YEUNG	賴維揚	WYK	M50
7	TAM ON TOK ARTHUR	談安鐸	WYK	M50
8	FU YIN HO	符彥豪	WYK	M50
9	Thanarajan Verasalam		SMTFA	M50

### Men's M50 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN MAN FOR	陳文科	PoliceAC	M50
2	WONG KIN ON	黃健安	WYK	M50
3	SHUTE NATHAN ROBERT		AVOHK	M50
4	WAN CHI WAH	尹志華	PoliceAC	M50
5	LAI WAI YEUNG	賴維揚	WYK	M50
6	LAM JOSEPH		DBSAC	M50
7	CHAN DANIEL	陳恒	DBSAC	M50
8	FORDE NICHOLAS JULIAN		AVOHK	M50
9	LAU SIU WAH HERRICK	劉紹華	LSCAC	M50
10	LEE CHAK MAN EDWARD	李澤民	WYK	M50
11	Thanarajan Verasalam		SMTFA	M50
12	YEUNG STEVE	楊時飛	DBSAC	M50

### Men's M50 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN MAN FOR	陳文科	PoliceAC	M50
2	FORDE NICHOLAS JULIAN		AVOHK	M50
3	RIEHM FRANK		AVOHK	M50
4	SHUTE NATHAN ROBERT		AVOHK	M50
5	LO MAN KA (NORMAN)	羅文嘉	DBSAC	M50
6	HUI PETER	許彼得	DBSAC	M50

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
7	LEE JOHN HO CHUEN	李浩銓	BAC	M50
8	LAM JOSEPH		DBSAC	M50
9	LAI HONG MAN ALOYSIUS		LSCAC	M50
10	BR Murali		SMTFA	M50
11	CHAN DANIEL	陳恒	DBSAC	M50
12	CHOW CHI KEUNG	周自強	PAC	M50
13	HEIJBOER Godefriedus Jelte		AVOHK	M50
14	HO RICHARD CHRISTOPHER		LSCAC	M50
15	Thanarajan Verasalam		SMTFA	M50
16	WONG KIN ON	黃健安	WYK	M50

### Men's M50 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	FORDE NICHOLAS JULIAN		AVOHK	M50
2	RIEHM FRANK		AVOHK	M50
3	LO MAN KA (NORMAN)	羅文嘉	DBSAC	M50
4	SZE YING KIT		LSCAC	M50
5	WAN CHI WAH	尹志華	PoliceAC	M50
6	CHEUNG PING WONG	張炳煌	PKMSAA	M50
7	CHAN LEO LI	陳利	LSCAC	M50
8	HUI PETER	許彼得	DBSAC	M50
9	TAM KA CHUN GEORGE	譚家俊	SCAA	M50
10	LAM JOSEPH		DBSAC	M50
11	LAI HONG MAN ALOYSIUS		LSCAC	M50
12	LEE PUI HANG JULIAN	李沛鏗	LSCAC	M50
13	CHOW CHI KEUNG	周自強	PAC	M50
14	FUNG YUT CHIU GILDAS	馮佚樵	LSCAC	M50
15	HEIJBOER Godefriedus Jelte		AVOHK	M50
16	HO RICHARD CHRISTOPHER		LSCAC	M50
17	KUNG WAI PAN CHARIS	孔維濱	DBSAC	M50
18	LEUNG HO YIN	梁浩然	LSCAC	M50
19	LEUNG KWAN HANG IVAN	梁君恒	DBSAC	M50

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
20	NG WAI KEUNG	吳偉強	DART	M50
21	RAZA ASAD		PHI-NMSAA	M50
22	ZHU LIANGTAO	朱良濤	SCAA	M50

### Men's M50 - 3000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	CHU WING LEONG	朱永亮	Move	M50
2	LAM JOSEPH		DBSAC	M50
3	SZE WAI HUNG	施偉雄	PKMSAA	M50

### Men's M50 - 100mH

	Name	姓名	Team	Category
1	CHEUNG ALAN		LSCAC	M50
2	WONG KAI TUNG DOMINIC	黃啟東	WYK	M50
3	NG TAI WAI	吳大偉	PoliceAC	M50
4	LEUNG KA HONG	梁家康	DART	M50
5	TONG ALBERT	唐建衡	LSCAC	M50
6	YU YUEN FAI	余遠輝	BAC	M50

### Men's M50 - 400mH

	Name	姓名	Team	Category
1	CHEUNG ALAN		LSCAC	M50
2	WONG KAI TUNG DOMINIC	黃啟東	WYK	M50
3	LEE SHI WANG	李仕宏	DBSAC	M50
4	LEUNG KA HONG	梁家康	DART	M50
5	NGAI JOSEPH	倪以理	DBSAC	M50
6	SIU HUBERT		LSCAC	M50
7	WONG KIN ON	黃健安	WYK	M50
8	YU YUEN FAI	余遠輝	BAC	M50

### Men's M50 - 5000mRW

	Name	姓名	Team	Category
1	LAU WAI KIN KELVIN	劉偉健	DBSAC	M50
2	MOK KWAN TING MARTIN	莫昆庭	DBSAC	M50
3	LEE SHI WANG	李仕宏	DBSAC	M50

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - 5000mRW

	Name	姓名	Team	Category
4	SHIU TAK CHI BYRON	邵得志	DBSAC	M50
5	HO CHUN WAI	何俊威	LSCAC	M50

### Men's M50 - 4X100m

	Name	姓名	Team	Category
1	九龍華仁書院M50 4X100		WYK	M50
2	上海田徑大師隊 M50 4X100		DGD	M50
3	赤道體育會 M50 4X100		BAC	M50
4	拔萃男書院田徑會 M50 4X100		DBSAC	M50
5	香港元老田徑會M50 4X100		AVOHK	M50
6	喇沙書院田徑會 M50 4X100		LSCAC	M50
7	聖若瑟舊生田徑會 M50 4X100		SJC	M50

### Men's M50 - 4X400m

	Name	姓名	Team	Category
1	九龍華仁書院M50 4X400		WYK	M50
2	赤道體育會 M50 4X400		BAC	M50
3	拔萃男書院田徑會 M50 4X400		DBSAC	M50
4	南區康樂體育促進會有限公司暨南區長跑會 M50		SDH	M50
5	香港元老田徑會M50 4X400		AVOHK	M50
6	喇沙書院田徑會 M50 4X400		LSCAC	M50
7	聖若瑟舊生田徑會 M50 4X400		SJC	M50

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	KWOK NINE WAH	郭念華	LSCAC	M50
2	ROBERTO WONG	王偉國	DBSAC	M50
3	WONG WAI KUEN ANTHONY	王偉權	DBSAC	M50
4	FONG RYAN	方仁宏	DBSAC	M50
5	LEE JOHN HO CHUEN	李浩銓	BAC	M50
6	SHIU TAK CHI BYRON	邵得志	DBSAC	M50
7	LEUNG WING HONG ALVIN	梁永康	DBSAC	M50
8	AU ARTHUR	區天旂	DBSAC	M50
9	CHAN ON LAP FELIX	陳安立	LSCAC	M50
10	CHEUNG KAI PONG	張啟邦	DART	M50
11	CHEUNG PRINCETON	張嘉恆	DBSAC	M50
12	COLLTON TOM		AVOHK	M50
13	LEUNG CHUN SING	梁振聲	WYK	M50
14	LIE LEONARD		LSCAC	M50
15	PG AZIZUL AKBAR PG HJ BADARUDIN		BRU	M50
16	TANG SAI KONG SIMON	鄧世剛	DBSAC	M50
17	YEUNG HO YIN	楊浩賢	DART	M50
18	YUEN HSI CARL	源曦	DBSAC	M50

### Men's M50 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	KWOK NINE WAH	郭念華	LSCAC	M50
2	CHAU WAI HUNG ANTONIO	周偉雄	DBSAC	M50
3	WONG YU HIN IAN	黃宇軒	LSCAC	M50
4	AU ARTHUR	區天旂	DBSAC	M50
5	COLLTON TOM		AVOHK	M50
6	IP YIU TONG	葉耀堂	BAC	M50
7	KUNG KIN CHUG DANIEL	龔建忠	SJC	M50
8	LIE LEONARD		LSCAC	M50
9	PG AZIZUL AKBAR PG HJ BADARUDIN		BRU	M50
10	ROBERTO WONG	王偉國	DBSAC	M50
11	WONG WAI KUEN ANTHONY	王偉權	DBSAC	M50

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - Discus Throw

Name	姓名	Team	Category
12 YEUNG HO YIN	楊浩賢	DART	M50
13 YEUNG MAN YUNG DAVID	楊文勇	LSCAC	M50

### Men's M50 - Javelin Throw

Name	姓名	Team	Category
1 KWOK NINE WAH	郭念華	LSCAC	M50
2 OR YIN SIK	柯延適	CSKOBA	M50
3 LEE SHI WANG	李仕宏	DBSAC	M50
4 CHAU WAI HUNG ANTONIO	周偉雄	DBSAC	M50
5 LIE LEONARD		LSCAC	M50
6 AU ARTHUR	區天旂	DBSAC	M50
7 COLLOTON TOM		AVOHK	M50
8 KUANG TIEK DANG ADAM	上官哲談	DGD	M50
9 ROBERTO WONG	王偉國	DBSAC	M50
10 YEUNG HO YIN	楊浩賢	DART	M50
11 YEUNG MAN YUNG DAVID	楊文勇	LSCAC	M50

### Men's M50 - Long Jump

Name	姓名	Team	Category
1 LIU CHI YUNG	廖智勇	BAC	M50
2 IP YIU TONG	葉耀堂	BAC	M50
3 KUANG TIEK DANG ADAM	上官哲談	DGD	M50
4 CHU WING LEONG	朱永亮	Move	M50
5 LEE SHI WANG	李仕宏	DBSAC	M50
6 CHAN ON LAP FELIX	陳安立	LSCAC	M50
7 KWOK SIU KAY KEVIN	郭兆基	LSCAC	M50
8 ROBERTO WONG	王偉國	DBSAC	M50
9 SIU HUBERT		LSCAC	M50
10 WONG WAI KUEN ANTHONY	王偉權	DBSAC	M50

### Men's M50 - Triple Jump

Name	姓名	Team	Category
1 CHAU WAI HUNG ANTONIO	周偉雄	DBSAC	M50
2 CHEUNG PRINCETON	張嘉恆	DBSAC	M50

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M50 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
3	IP YIU TONG	葉耀堂	BAC	M50
4	KUANG TIEK DANG ADAM	上官哲談	DGD	M50
5	LAM JOSEPH		DBSAC	M50
6	LEE SHI WANG	李仕宏	DBSAC	M50
7	NGAI JOSEPH	倪以理	DBSAC	M50
8	ROBERTO WONG	王偉國	DBSAC	M50
9	TANG SAI KONG SIMON	鄧世剛	DBSAC	M50

### Men's M50 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	NG TAI WAI	吳大偉	PoliceAC	M50
2	IP YIU TONG	葉耀堂	BAC	M50
3	LIU CHI YUNG	廖智勇	BAC	M50
4	TONG ALBERT	唐建衡	LSCAC	M50
5	LAU KING SHAN DAVID	劉景山	DBSAC	M50
6	LEE SHI WANG	李仕宏	DBSAC	M50
7	MA KING CHEUNG MEDES	馬敬將	WYK	M50

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG TUNG HONG EDDIE	黃東康	BAC	M55
2	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
3	LUI TIM	雷裕文	DBSAC	M55
4	WANG JIAN	王堅	BAC	M55
5	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
6	KANG KWOK KEUNG DEREK	江國強	BAC	M55
7	SO TAK KING	蘇德擎	BAC	M55
8	HO CHI YUEN	何志遠	SJC	M55
9	TAM KING TONG	譚景棠	BAC	M55
10	YAU CHUN TAK SANDERS	邱振德	WYK	M55
11	BOONJUER WICHEN		THA	M55
12	LEE CHUNG SING	李宗成	YLTH	M55
13	LEUNG CHUN WAI WILLIAM	梁振威	PoliceAC	M55
14	LI JUE QI	李絕奇	DGD	M55
15	MA XIAO JUN	馬小軍	DGD	M55
16	YU MAN TO GERALD MAXIMILLIAN	余孟滔	HKICPA	M55
17	YU TAK KWONG	余德廣	DBSAC	M55

### Men's M55 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
2	WONG TUNG HONG EDDIE	黃東康	BAC	M55
3	WANG JIAN	王堅	BAC	M55
4	KANG KWOK KEUNG DEREK	江國強	BAC	M55
5	HO CHI YUEN	何志遠	SJC	M55
6	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
7	SO TAK KING	蘇德擎	BAC	M55
8	LUI TIM	雷裕文	DBSAC	M55
9	TAM KING TONG	譚景棠	BAC	M55
10	YAU CHUN TAK SANDERS	邱振德	WYK	M55
11	Chong Calvin	莊濟文	SMTFA	M55
12	CRUZ ANTONY JOSEPH		IND-KMAC	M55

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
13	LEE CHUNG SING	李宗成	YLTH	M55
14	LI JUE QI	李绝奇	DGD	M55
15	MA XIAO JUN	马小军	DGD	M55
16	TAM KA SHUN	譚嘉信	DBSAC	M55
17	WONG HO MAN ALBERT	黃浩文	DBSAC	M55

### Men's M55 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	KANG KWOK KEUNG DEREK	江國強	BAC	M55
2	WANG JIAN	王堅	BAC	M55
3	LEE MING HON EDWARD	李明瀚	LSCAC	M55
4	CHUI KAM TONG TONY	崔錦棠	WAC	M55
5	SO TAK KING	蘇德擎	BAC	M55
6	LUI MOSES	雷裕武	DBSAC	M55
7	LO WAI HUNG	盧偉洪	PoliceAC	M55
8	YU TAK KWONG	余德廣	DBSAC	M55
9	CHAN MAN YUEN	陳文遠	BAC	M55
10	CHENG KAY YEN RONNIE	鄭基恩	DBSAC	M55
11	CRUZ ANTONY JOSEPH		IND-KMAC	M55
12	HO CHI YUEN	何志遠	SJC	M55
13	LI JUE QI	李绝奇	DGD	M55
14	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
15	WU DIK HUNG TEDDY	胡迪熊	LSCAC	M55
16	YAU CHUN TAK SANDERS	邱振德	WYK	M55

### Men's M55 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	LO WAI HUNG	盧偉洪	PoliceAC	M55
2	CHUI KAM TONG TONY	崔錦棠	WAC	M55
3	SO TAK KING	蘇德擎	BAC	M55
4	WU DIK HUNG TEDDY	胡迪熊	LSCAC	M55
5	TSE LAP YIN JOHNNY	謝立言	DBSAC	M55
6	CHAN MAN YUEN	陳文遠	BAC	M55

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
7	CHAN WAI KEI	陳煒基	BAC	M55
8	CHENG KAY YEN RONNIE	鄭基恩	DBSAC	M55
9	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
10	HO CHI LEUNG BERNARD	何志亮	LSCAC	M55
11	JACOBSEN WILLIAM KEITH	葉偉其	DBSAC	M55
12	LEUNG KAM KUEN MICHAEL	梁錦權	LSCAC	M55
13	LUI MOSES	雷裕武	DBSAC	M55
14	OWAIN LEWES VAUGHAN		AVOHK	M55
15	YAO QIN	姚勤	SZGM	M55
16	YAU CHUN TAK SANDERS	邱振德	WYK	M55
17	YU WING KIN	余永健	DBSAC	M55
18	YU YI DONG	于义东	DGD	M55

### Men's M55 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG KENNETH	王偉濤	DBSAC	M55
2	YIP KAM KWONG	葉錦光	SCAA	M55
3	LUI MOSES	雷裕武	DBSAC	M55
4	Chong Calvin	莊濟文	SMTFA	M55
5	HO CHI LEUNG BERNARD	何志亮	LSCAC	M55
6	LAI KOON SHING	賴官勝	AVOHK	M55
7	YAO QIN	姚勤	SZGM	M55
8	YU TAK KWONG	余德廣	DBSAC	M55
9	YU YI DONG	于义东	DGD	M55

### Men's M55 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN WAI KEI	陳煒基	BAC	M55
2	YIP KAM KWONG	葉錦光	SCAA	M55
3	CHEUNG KWOK FAI	張國輝	AVOHK	M55
4	CHU WAI SING	朱偉成	LWRC	M55
5	HO CHI LEUNG BERNARD	何志亮	LSCAC	M55
6	LAI KOON SHING	賴官勝	AVOHK	M55

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
7	LAM CHI YUNG	林志勇	SCAA	M55
8	WONG CHUN	黃俊	SCAA	M55
9	WONG HO LUEN	黃浩聯	RMAC	M55
10	WONG KENNETH	王偉濤	DBSAC	M55
11	YAO QIN	姚勤	SZGM	M55
12	YU YI DONG	于义东	DGD	M55

### Men's M55 - 3000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI KAM TONG TONY	崔錦棠	WAC	M55
2	KWAN MAN FAI	關文輝	DBSAC	M55
3	LEE CHUNG WAH	李仲華	DBSAC	M55
4	LEE KA FAI	李嘉輝	SCAA	M55
5	YAO QIN	姚勤	SZGM	M55

### Men's M55 - 100mH

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI KAM TONG TONY	崔錦棠	WAC	M55
2	WONG CHEONG TAI TAIDY	黃昌泰	SJC	M55
3	BOONJUER WICHIE		THA	M55
4	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
5	CHUNG TZE LEUNG	鍾子良	BAC	M55
6	KWAN MAN FAI	關文輝	DBSAC	M55
7	LEE KA FAI	李嘉輝	SCAA	M55
8	Mohd Ali Shamry		MAS	M55

### Men's M55 - 400mH

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI KAM TONG TONY	崔錦棠	WAC	M55
2	WONG CHEONG TAI TAIDY	黃昌泰	SJC	M55
3	KWAN MAN FAI	關文輝	DBSAC	M55
4	BU QING YI	卜庆益	DGD	M55
5	Chow Wee Chin Arthur	蔣偉敬	SMTFA	M55
6	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - 400mH

Name	姓名	Team	Category
7 LEE KA FAI	李嘉輝	SCAA	M55
8 LO WAI HUNG	盧偉洪	PoliceAC	M55
9 Mohd Ali Shamry		MAS	M55

### Men's M55 - 5000mRW

Name	姓名	Team	Category
1 KO TAI CHIU	高大釗	HKRWA	M55
2 NGAN SING YIN	顏星現	SHTB	M55
3 TSE LAP YIN JOHNNY	謝立言	DBSAC	M55
4 JACOBSEN ANTHONY PAUL	葉偉誠	DBSAC	M55
5 LEE CHUNG WAH	李仲華	DBSAC	M55
6 CHAN KA HUNG	陳嘉鴻	DBSAC	M55
7 WU DIK LUN TOMMY	胡迪麟	LSCAC	M55
8 CHIU YEE HANG THOMAS	趙懿行	LSCAC	M55
9 Chong Calvin	莊濟文	SMTFA	M55
10 HO SHIU KEI JAMES	何紹基	DBSAC	M55
11 LEUNG KAM KUEN MICHAEL	梁錦權	LSCAC	M55
12 TANG HONG WING	鄧漢榮	HKLRRRC	M55
13 WAN CHI WAI	尹志偉	HKRWA	M55
14 YU WING KIN	余永健	DBSAC	M55

### Men's M55 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
1 九龍華仁書院M55 4X100		WYK	M55
2 赤道體育會 M55 4X100 A		BAC	M55
3 赤道體育會 M55 4X100 B		BAC	M55
4 拔萃男書院田徑會 M55 4X100 A		DBSAC	M55
5 拔萃男書院田徑會 M55 4X100 B		DBSAC	M55

### Men's M55 - 4X400m

Name	姓名	Team	Category
1 上海田徑大師隊 M55 4X400		DGD	M55
2 赤道體育會 M55 4X400 A		BAC	M55
3 赤道體育會 M55 4X400 B		BAC	M55

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - 4X400m

	Name	姓名	Team	Category
4	拔萃男書院田徑會 M55 4X400 A		DBSAC	M55
5	拔萃男書院田徑會 M55 4X400 B		DBSAC	M55
6	南華體育會 M55 4X400		SCAA	M55
7	喇沙書院田徑會 M55 4X400		LSCAC	M55

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	LAM CHI KEUNG	林志強	PKMSAA	M55
2	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
3	WONG HO MAN ALBERT	黃浩文	DBSAC	M55
4	CHAN MOU HUNG MOSES	陳謀雄	PKMSAA	M55
5	HUANG MARK	黃嘉為	LSCAC	M55
6	CHAN PAK HAY SIMON	陳栢熙	DBSAC	M55
7	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
8	LEUNG JEROME	梁振志	DBSAC	M55
9	LEE RAYMOND	李國偉	DBSAC	M55
10	CHEUNG CHAK MAN	張澤文	AVOHK	M55
11	HOUGH ALAN DEREK		UK-NMAC	M55
12	MA XIAO JUN	马小军	DGD	M55
13	SANKARALINGAM SHIRI SELVAN		IND-KMAC	M55
14	TAM KA SHUN	譚嘉信	DBSAC	M55

### Men's M55 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN PAK HAY SIMON	陳栢熙	DBSAC	M55
2	WONG HO MAN ALBERT	黃浩文	DBSAC	M55
3	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
4	CHAN KING YIM JEFFREY	陳敬嚴	DBSAC	M55
5	LOUEY CHI CHING ALAN	雷治正	LSCAC	M55
6	CHAN MOU HUNG MOSES	陳謀雄	PKMSAA	M55
7	HUANG MARK	黃嘉為	LSCAC	M55
8	LAM CHI KEUNG	林志強	PKMSAA	M55
9	WONG LEI PO	黃利寶	BAC	M55
10	LUK KING HANG	陸敬行	DBSAC	M55
11	WU DIK LUN TOMMY	胡迪麟	LSCAC	M55
12	CHUNG TZE LEUNG	鍾子良	BAC	M55
13	HOUGH ALAN DEREK		UK-NMAC	M55
14	LAU YIP KWONG FRANCIS	劉業光	DBSAC	M55
15	LEE RAYMOND	李國偉	DBSAC	M55

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
16	LEUNG JEROME	梁振志	DBSAC	M55
17	LEUNG YAT WAH LEWIS	梁一华	DBSAC	M55
18	SANKARALINGAM SHIRI SELVAN		IND-KMAC	M55

### Men's M55 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN KING YIM JEFFREY	陳敬嚴	DBSAC	M55
2	WONG HO MAN ALBERT	黃浩文	DBSAC	M55
3	CHAN MOU HUNG MOSES	陳謀雄	PKMSAA	M55
4	HUANG MARK	黃嘉為	LSCAC	M55
5	LAM CHI KEUNG	林志強	PKMSAA	M55
6	LAI CHRISTOPHER	黎百年	DBSAC	M55
7	KWAN MAN FAI	關文輝	DBSAC	M55
8	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
9	LEE KA FAI	李嘉輝	SCAA	M55
10	WONG LEI PO	黃利寶	BAC	M55
11	LAU YIP KWONG FRANCIS	劉業光	DBSAC	M55
12	CHENG KAY YEN RONNIE	鄭基恩	DBSAC	M55
13	CHIU YEE HANG THOMAS	趙懿行	LSCAC	M55
14	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
15	CHUNG TZE LEUNG	鍾子良	BAC	M55
16	HOUGH ALAN DEREK		UK-NMAC	M55
17	LEUNG JEROME	梁振志	DBSAC	M55

### Men's M55 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
2	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
3	BU QING YI	卜庆益	DGD	M55
4	LUI MOSES	雷裕武	DBSAC	M55
5	CHAN MAN YUEN	陳文遠	BAC	M55
6	WONG CHEONG TAI TAIDY	黃昌泰	SJC	M55
7	CHUI KAM TONG TONY	崔錦棠	WAC	M55

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
8	TAM KING TONG	譚景棠	BAC	M55
9	KWAN MAN FAI	關文輝	DBSAC	M55
10	WONG HO MAN ALBERT	黃浩文	DBSAC	M55
11	LEE KA FAI	李嘉輝	SCAA	M55
12	LEUNG CHUN WAI WILLIAM	梁振威	PoliceAC	M55
13	LUK KING HANG	陸敬行	DBSAC	M55
14	TAM KA SHUN	譚嘉信	DBSAC	M55
15	WAI SIU BONG BASIL	衛紹邦	LSCAC	M55
16	YU MAN TO GERALD MAXIMILLIAN	余孟滔	HKICPA	M55

### Men's M55 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	BU QING YI	卜庆益	DGD	M55
2	Chow Wee Chin Arthur	蔣偉敬	SMTFA	M55
3	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
4	FUNG CHING CHEONG HARRY	馮正昌	DBSAC	M55
5	HO SHIU KEI JAMES	何紹基	DBSAC	M55
6	KWAN MAN FAI	關文輝	DBSAC	M55
7	LAU YIP KWONG FRANCIS	劉業光	DBSAC	M55
8	LEE KA FAI	李嘉輝	SCAA	M55
9	LEUNG WING HANG MICHAEL	梁永鏗	DBSAC	M55
10	LUK KING HANG	陸敬行	DBSAC	M55
11	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
12	WAI SIU BONG BASIL	衛紹邦	LSCAC	M55
13	WONG CHEONG TAI TAIDY	黃昌泰	SJC	M55
14	WONG HO MAN ALBERT	黃浩文	DBSAC	M55
15	YU WING KIN	余永健	DBSAC	M55

### Men's M55 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	WU DIK HUNG TEDDY	胡迪熊	LSCAC	M55
2	TAM CHUNG YING ERNIE	譚仲英	DBSAC	M55
3	KWONG WING BIU	鄺永彪	BAC	M55

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M55 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
4	CHU WAI TAK VICTOR	朱偉德	WYK	M55
5	SO TAK KING	蘇德擎	BAC	M55
6	BU QING YI	卜庆益	DGD	M55
7	FUNG CHING CHEONG HARRY	馮正昌	DBSAC	M55
8	CHAN MAN YUEN	陳文遠	BAC	M55
9	CHAN KING YIM JEFFREY	陳敬嚴	DBSAC	M55
10	HOUGH ALAN DEREK		UK-NMAC	M55
11	LEUNG WING HANG MICHAEL	梁永鏗	DBSAC	M55
12	WU DIK LUN TOMMY	胡迪麟	LSCAC	M55

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	LAI TUNG SING JEFFREY	黎同昇	WYK	M60
2	LAM TSUN FAT	林俊發	BAC	M60
3	LO KIN YIP	盧建業	BAC	M60
4	LEUNG YAN WING	梁欣榮	BAC	M60
5	YIP KAM KEUNG ALEX	葉錦強	SCAA	M60
6	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
7	LO RAYMOND	勞思傑	DBSAC	M60
8	LI WAI HO	李偉浩	BAC	M60
9	CHAN YIM LAM PATRICK	陳炎林	DBSAC	M60
10	TAM CHU HIN LOUIE	譚柱軒	BAC	M60
11	YUEN PAK CHUEN	袁柏泉	BAC	M60
12	LEUNG TOBY	梁國偉	LSCAC	M60
13	LANG WAI LUN	梁偉倫	CLSAA	M60
14	SO KA LUN	蘇家麟	TSC	M60
15	KOO HEUNG SHING PETER	顧向聖	LSCAC	M60
16	WONG WAI CHIU	王偉超	BAC	M60
17	SZETO YUK KEUNG	司徒旭強	BAC	M60
18	TAI WAI MING	戴偉銘	PKMSAA	M60
19	HUI WAI KEUNG JOSEPH	許偉強	LSCAC	M60
20	CHAN CHI SING	陳志成	BAC	M60
21	CHOW CHEE WING ANTHONY	周治榮	LSCAC	M60
22	CHUNG KIN WAI	鍾健偉	DART	M60
23	FONG ALAN	鄺耀才	DBSAC	M60
24	FU MIN	傅敏	DGD	M60
25	HO ANTHONY K C	何國聰	DBSAC	M60
26	HU BAO YING	胡宝英	DGD	M60
27	IP HUNG YAM	葉鴻蔭	PAC	M60
28	LEUNG CHI KIN SIMON	梁志堅	BAC	M60
29	LI MING PING	李明平	DGD	M60
30	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
31	NAVARRO RENEL		PHI-NMSAA	M60

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
32	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
33	SZE TIN CHEE	施天賜	PKMSAA	M60
34	WAN SIU PING	溫少平	BAC	M60
35	WONG HOI MING	黃海明	RMAC	M60
36	ZHANG XIN AN	張新安	DGD	M60

### Men's M60 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	LAM TSUN FAT	林俊發	BAC	M60
2	LO KIN YIP	盧建業	BAC	M60
3	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
4	LI WAI HO	李偉浩	BAC	M60
5	YIU KARO DAKCHISON JR.	姚啟鏘	DBSAC	M60
6	SO KA LUN	蘇家麟	TSC	M60
7	TAN NICHOLAS	陳忠元	DBSAC	M60
8	CHOW CHEE WING ANTHONY	周治榮	LSCAC	M60
9	CHUNG KIN WAI	鍾健偉	DART	M60
10	FONG ALAN	鄺耀才	DBSAC	M60
11	HO ANTHONY K C	何國聰	DBSAC	M60
12	HU BAO YING	胡寶英	DGD	M60
13	LAI TUNG SING JEFFREY	黎同昇	WYK	M60
14	LEUNG CHI KIN SIMON	梁志堅	BAC	M60
15	LEUNG TOBY	梁國偉	LSCAC	M60
16	LI MING PING	李明平	DGD	M60
17	LO RAYMOND	勞思傑	DBSAC	M60
18	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
19	NAVARRO RENEL		PHI-NMSAA	M60
20	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
21	SZE TIN CHEE	施天賜	PKMSAA	M60
22	TAM CHU HIN LOUIE	譚柱軒	BAC	M60
23	WAN SIU PING	溫少平	BAC	M60
24	WONG MAN KWONG PETER	黃文光	BAC	M60

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
25	WONG WAI CHIU	王偉超	BAC	M60
26	YIP KAM KEUNG ALEX	葉錦強	SCAA	M60
27	YUEN PAK CHUEN	袁柏泉	BAC	M60
28	ZHANG XIN AN	張新安	DGD	M60

### Men's M60 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	LAM TSUN FAT	林俊發	BAC	M60
2	LO KIN YIP	盧建業	BAC	M60
3	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
4	CHAN YIM LAM PATRICK	陳炎林	DBSAC	M60
5	LEE YIU TING ALBERT	李耀廷	BAC	M60
6	LAM MAN SAN	林文山	DBSAC	M60
7	MAN HON KEI	萬漢基	PKMSAA	M60
8	CHONG PUI KI	莊培基	BAC	M60
9	YIU KARO DAKCHISON JR.	姚啟鏘	DBSAC	M60
10	CHAN CHI SING	陳志成	BAC	M60
11	FONG ALAN	鄺耀才	DBSAC	M60
12	HO FAT WA KENNETH	何佛華	BAC	M60
13	LI MING PING	李明平	DGD	M60
14	LI WAI HO	李偉浩	BAC	M60
15	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
16	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
17	SO KA LUN	蘇家麟	TSC	M60
18	TAI WAI MING	戴偉銘	PKMSAA	M60
19	TAN NICHOLAS	陳忠元	DBSAC	M60
20	TONG CHUN FAN	唐俊勳	DBSAC	M60
21	WONG HOI MING	黃海明	RMAC	M60
22	WONG MAN KWONG PETER	黃文光	BAC	M60
23	YIP KAM SHING	葉錦城	PAC	M60

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	LAM TSUN FAT	林俊發	BAC	M60
2	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
3	MAK WING SANG	麥永生	LWRC	M60
4	SHUM PING WAH	沈平華	PAC	M60
5	WONG TAI CHUN MARK	王大鈞	DBSAC	M60
6	LAM MAN SAN	林文山	DBSAC	M60
7	LO KENNY	羅偉基	DBSAC	M60
8	TAN NICHOLAS	陳忠元	DBSAC	M60
9	LANG WAI LUN	梁偉倫	CLSAA	M60
10	LI MING PING	李明平	DGD	M60
11	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
12	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
13	YIP KAM SHING	葉錦城	PAC	M60

### Men's M60 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	MAK WING SANG	麥永生	LWRC	M60
2	LAM TSUN FAT	林俊發	BAC	M60
3	CHIU CHUN KEUNG	趙春強	PAC	M60
4	CHING TANG FOON	程騰歡	SDH	M60
5	SHUM PING WAH	沈平華	PAC	M60
6	WONG TAI CHUN MARK	王大鈞	DBSAC	M60
7	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
8	LAM MAN SAN	林文山	DBSAC	M60
9	TAN NICHOLAS	陳忠元	DBSAC	M60
10	CHU CHING KWOK	朱正國	CSKOBA	M60
11	HUNG FAN KEE FREDERICK	孔繁基	LSCAC	M60
12	NG CHI KAM	吳志淦	PKMSAA	M60
13	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
14	SHEN GUODONG	沈國棟	SZGM	M60
15	SUEN WING HONG	孫永康	CSKOBA	M60
16	SZETO MAURICE		AVOHK	M60

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - 1500m

Name	姓名	Team	Category
17 YIP KAM SHING	葉錦城	PAC	M60

### Men's M60 - 5000m

Name	姓名	Team	Category
1 TSE TIT HO ANTHONY	謝鐵豪	RMAC	M60
2 CHIU CHUN KEUNG	趙春強	PAC	M60
3 CHING TANG FOON	程騰歡	SDH	M60
4 CHU CHING KWOK	朱正國	CSKOBA	M60
5 LAM MAN SAN	林文山	DBSAC	M60
6 HUNG FAN KEE FREDERICK	孔繁基	LSCAC	M60
7 KWOK KA FAI	郭嘉輝	PAC	M60
8 LEUNG KWOK HUNG BENJAMIN	梁國雄	LWRC	M60
9 LEUNG WAI MAN RAYMOND	梁偉文	SCAA	M60
10 NAGARAJAN THIRUGNZNAM		IND-NAAA	M60
11 REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
12 SHEN GUODONG	沈國棟	SZGM	M60
13 SZETO MAURICE		AVOHK	M60
14 YING TZE KIN	英子堅	CSDSA	M60
15 YIP KAM SHING	葉錦城	PAC	M60

### Men's M60 - 2000mSC

Name	姓名	Team	Category
1 REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
2 WONG LUNG PO ALEX	黃龍波	SDH	M60
3 YING TZE KIN	英子堅	CSDSA	M60

### Men's M60 - 100mH

Name	姓名	Team	Category
1 LAM WAI KIN	林偉堅	SCAA	M60
2 LO KIN YIP	盧建業	BAC	M60
3 LEUNG TOBY	梁國偉	LSCAC	M60
4 TAM SAMMY	譚旭生	DBSAC	M60
5 Mak Hing Kee	麥慶基	CSKOBA	M60
6 TANG TIN CHAI	鄧天齊	DBSAC	M60

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - 100mH

Name	姓名	Team	Category
7 YIP KAM KEUNG ALEX	葉錦強	SCAA	M60

### Men's M60 - 300mH

Name	姓名	Team	Category
1 LO KIN YIP	盧建業	BAC	M60
2 YIP KAM KEUNG ALEX	葉錦強	SCAA	M60
3 TAM SAMMY	譚旭生	DBSAC	M60
4 LEUNG TOBY	梁國偉	LSCAC	M60
5 CHAN YIM LAM PATRICK	陳炎林	DBSAC	M60
6 WONG WAI CHIU	王偉超	BAC	M60
7 CHENG PUN	鄭斌	DBSAC	M60
8 MAN HON KEI	萬漢基	PKMSAA	M60
9 TONG CHUN FAN	唐俊勳	DBSAC	M60
10 YIU KARO DAKCHISON JR.	姚啟鏘	DBSAC	M60

### Men's M60 - 5000mRW

Name	姓名	Team	Category
1 WONG KAI CHUNG	王啟聰	HKRWA	M60
2 LO KENNY	羅偉基	DBSAC	M60
3 CHOW BILLY KWOK CHONG	鄒國昌	DBSAC	M60
4 NG KA YIU KARL	吳家耀	DBSAC	M60
5 DANG EDWARD KAI FUNG	鄧啟豐	HKRWA	M60
6 MADASAMY IYAPPAN		IND-KMAC	M60
7 MURALIDHARAN VENKATARAMANA RAO		IND-NAAA	M60
8 NAGARAJAN THIRUGNZNAM		IND-NAAA	M60
9 TONG CHUN FAN	唐俊勳	DBSAC	M60
10 WONG MAN KWONG PETER	黃文光	BAC	M60

### Men's M60 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
1 上海田徑大師隊 M60 4X100		DGD	M60
2 赤道體育會 M60 4X100 A		BAC	M60
3 赤道體育會 M60 4X100 B		BAC	M60
4 拔萃男書院田徑會 M60 4X100 A		DBSAC	M60

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
5 拔萃男書院田徑會 M60 4X100 B		DBSAC	M60
6 南華體育會 M60 4X100		SCAA	M60
7 香港元老田徑會 M60 4X100		AVOHK	M60
8 培僑中學校友會 M60 4X100		PKMSAA	M60
9 喇沙書院田徑會 M60 4X100		LSCAC	M60

### Men's M60 - 4X400m

Name	姓名	Team	Category
1 上海田徑大師隊 M60 4X400		DGD	M60
2 赤道體育會 M60 4X400 A		BAC	M60
3 赤道體育會 M60 4X400 B		BAC	M60
4 拔萃男書院田徑會 M60 4X400 A		DBSAC	M60
5 拔萃男書院田徑會 M60 4X400 B		DBSAC	M60
6 南區康樂體育促進會有限公司暨南區長跑會 M60 4X400		SDH	M60
7 飛達田徑會 M60 4X400		PAC	M60
8 香港元老田徑會 M60 4X400		AVOHK	M60
9 培僑中學校友會 M60 4X400		PKMSAA	M60
10 路德會協同中學校友會 M60 4X400米		CLSAA	M60

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	HO CHI HIN MARCUS	何志軒	TCAA	M60
2	KOO HEUNG SHING PETER	顧向聖	LSCAC	M60
3	HO CHI CHEUNG FELIX	何志翔	TCAA	M60
4	CHAN YIM LAM PATRICK	陳炎林	DBSAC	M60
5	CHOW BILLY KWOK CHONG	鄒國昌	DBSAC	M60
6	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
7	NG KA YIU KARL	吳家耀	DBSAC	M60
8	AU PETER	歐永照	DBSAC	M60
9	ANNAVI NALLUSAMY		IND-NAAA	M60
10	ASOKAN VARADHARAJAN		IND-NAAA	M60
11	Chan Shu Wai	陳樹威	SMTFA	M60
12	CHEUNG CHAU KIN	張就健	DART	M60
13	FONG ALAN	鄺耀才	DBSAC	M60
14	FU MIN	傅敏	DGD	M60
15	LEUNG CHEONG CHAU STEPHEN	梁昌宙	DBSAC	M60
16	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
17	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
18	TAM LAWRENCE	譚紹光	AVOHK	M60
19	TO PETER	杜彼德	SCAA	M60
20	ZHANG XIN AN	張新安	DGD	M60

### Men's M60 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	HO CHI HIN MARCUS	何志軒	TCAA	M60
2	HO CHI CHEUNG FELIX	何志翔	TCAA	M60
3	KOO HEUNG SHING PETER	顧向聖	LSCAC	M60
4	CHAN YIM LAM PATRICK	陳炎林	DBSAC	M60
5	AU PETER	歐永照	DBSAC	M60
6	LI WAI HO	李偉浩	BAC	M60
7	NG KA YIU KARL	吳家耀	DBSAC	M60
8	ANNAVI NALLUSAMY		IND-NAAA	M60
9	ASOKAN VARADHARAJAN		IND-NAAA	M60

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
10	Chan Shu Wai	陳樹威	SMTFA	M60
11	CHEUNG CHAU KIN	張就健	DART	M60
12	CHOW BILLY KWOK CHONG	鄒國昌	DBSAC	M60
13	DUR AISAMY SELVARAJAN		IND-NAAA	M60
14	FONG ALAN	鄺耀才	DBSAC	M60
15	LEE MAN SANG GORDON	李敏生	DBSAC	M60
16	LO KWAN LOK	盧鈞樂	PKMSAA	M60
17	Mak Hing Kee	麥慶基	CSKOBA	M60
18	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
19	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
20	SUEN WING HONG	孫永康	CSKOBA	M60
21	TO PETER	杜彼德	SCAA	M60
22	TONG CHUN FAN	唐俊勳	DBSAC	M60
23	ZHANG XIN AN	張新安	DGD	M60

### Men's M60 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	HO CHI CHEUNG FELIX	何志翔	TCAA	M60
2	HO CHI HIN MARCUS	何志軒	TCAA	M60
3	TANG TIN CHAI	鄧天齊	DBSAC	M60
4	CHAN YIM LAM PATRICK	陳炎林	DBSAC	M60
5	AU PETER	歐永照	DBSAC	M60
6	CHOW BILLY KWOK CHONG	鄒國昌	DBSAC	M60
7	NG KA YIU KARL	吳家耀	DBSAC	M60
8	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
9	HUNG CHUEN KWONG	洪傳廣	DBSAC	M60
10	ANNAVI NALLUSAMY		IND-NAAA	M60
11	Chan Shu Wai	陳樹威	SMTFA	M60
12	CHEUNG CHAU KIN	張就健	DART	M60
13	CHOW CHEE WING ANTHONY	周治榮	LSCAC	M60
14	DUR AISAMY SELVARAJAN		IND-NAAA	M60
15	LO KWAN LOK	盧鈞樂	PKMSAA	M60

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
16	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
17	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
18	SUEN WING HONG	孫永康	CSKOBA	M60
19	TO PETER	杜彼德	SCAA	M60
20	TONG CHUN FAN	唐俊勳	DBSAC	M60
21	YIU KARO DAKCHISON JR.	姚啟鏘	DBSAC	M60

### Men's M60 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	TAM SAMMY	譚旭生	DBSAC	M60
2	TAM CHU HIN LOUIE	譚柱軒	BAC	M60
3	TANG TIN CHAI	鄧天齊	DBSAC	M60
4	LANG WAI LUN	梁偉倫	CLSAA	M60
5	CHONG PUI KI	莊培基	BAC	M60
6	HUNG CHUEN KWONG	洪傳廣	DBSAC	M60
7	CHENG PUN	鄭斌	DBSAC	M60
8	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
9	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
10	SZETO ANDREW TAK	司徒德	LSCAC	M60

### Men's M60 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	CHONG PUI KI	莊培基	BAC	M60
2	HUNG CHUEN KWONG	洪傳廣	DBSAC	M60
3	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60
4	TAM SAMMY	譚旭生	DBSAC	M60
5	TANG TIN CHAI	鄧天齊	DBSAC	M60
6	TONG CHUN FAN	唐俊勳	DBSAC	M60
7	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
8	YIU KARO DAKCHISON JR.	姚啟鏘	DBSAC	M60

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M60 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	TONG CHUN FAN	唐俊勳	DBSAC	M60
2	TANG TIN CHAI	鄧天齊	DBSAC	M60
3	TAM SAMMY	譚旭生	DBSAC	M60
4	NG KA YIU KARL	吳家耀	DBSAC	M60
5	TSANG ALBERT	曾仲文	DBSAC	M60
6	AU PETER	歐永照	DBSAC	M60
7	MO KIM FUNG BOSCO	武劍峰	DBSAC	M60
8	NAVARRO RENEL		PHI-NMSAA	M60
9	REEVES MARK FRANCIS	利瑪克	AVOHK	M60

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	KUNG WAI LING	龔偉凌	DBSAC	M65
2	LEUNG WAI YIN RAYMOND	梁偉彥	DBSAC	M65
3	ZEE BENNY	徐仲鏘	DBSAC	M65
4	CHOI TONY	蔡少洲	DBSAC	M65
5	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
6	IP SAI HUNG	葉世雄	PKMSAA	M65
7	PANG KWOK CHI	彭國治	SCAA	M65
8	YIU FRANCIS	姚永雄	DBSAC	M65
9	SUEN SHU KWAN LIONIMAN	孫樹坤	BAC	M65
10	LAI KWOK YUEN		TSC	M65
11	WONG PING WAI	王炳威	PKMSAA	M65
12	SHEK WAI HUNG TONY	石偉雄	BAC	M65
13	AU KING TONG	歐敬唐	PKMSAA	M65
14	GAJARAJAN SUBRAMANIAN		IND-NAAA	M65
15	LAI CHI KEUNG PATRICK	黎志強	CLSAA	M65
16	LAW WAI MAN	羅偉文	CLSAA	M65
17	SAMIL DRAMAN		BRU	M65
18	SUEN KING KWONG	孫景光	BAC	M65
19	Tan Kim Seng	陳金成	SMTFA	M65
20	WONG CHEONG MING	黃昌明	PKMSAA	M65
21	WOO WAI HIN	胡偉軒	DBSAC	M65

### Men's M65 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	KUNG WAI LING	龔偉凌	DBSAC	M65
2	IP SAI HUNG	葉世雄	PKMSAA	M65
3	CHOI TONY	蔡少洲	DBSAC	M65
4	WONG HO YIN	黃浩賢	PKMSAA	M65
5	PANG KWOK CHI	彭國治	SCAA	M65
6	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
7	YIU FRANCIS	姚永雄	DBSAC	M65
8	LAI KWOK YUEN		TSC	M65

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
9	AU KING TONG	歐敬唐	PKMSAA	M65
10	BUDIN ANAK MERINGGAI		BRU	M65
11	HO PING KIU	何炳僑	BAC	M65
12	LAI CHI KEUNG PATRICK	黎志強	CLSAA	M65
13	LEUNG PENG KUN	梁炳權	PKMSAA	M65
14	LI SHIK KOWNG KEN	李錫光	CLSAA	M65
15	SUEN KING KWONG	孫景光	BAC	M65
16	SUEN SHU KWAN LIONIMAN	孫樹坤	BAC	M65
17	Tan Kim Seng	陳金成	SMTFA	M65
18	WAN CHUNG LING JOE	尹仲靈	JSA	M65
19	WONG SEK CHEUNG	王錫章	PAC	M65
20	YIM TIN LEUNG	嚴天亮	SCAA	M65
21	ZEE BENNY	徐仲鏌	DBSAC	M65

### Men's M65 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG LI	黃利	DBSAC	M65
2	CHENG HIN	鄭騫	PAC	M65
3	HO PING KIU	何炳僑	BAC	M65
4	WONG HO YIN	黃浩賢	PKMSAA	M65
5	WONG SEK CHEUNG	王錫章	PAC	M65
6	LOUI JACK YAN	雷澤恩	PKMSAA	M65
7	KONG SIU KEUNG	江紹強	PKMSAA	M65
8	AU KING TONG	歐敬唐	PKMSAA	M65
9	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
10	LEE SAU CHOI	李秀財	PKMSAA	M65
11	MA DANIEL	馬恩明	DBSAC	M65
12	PANG KWOK CHI	彭國治	SCAA	M65
13	SIN WING FAI	冼永輝	DBSAC	M65
14	SUEN KING KWONG	孫景光	BAC	M65
15	SUEN SHU KWAN LIONIMAN	孫樹坤	BAC	M65
16	SUN WILSON WAI-SHING		DBSAC	M65

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - 400m

Name	姓名	Team	Category
17 Tan Kim Seng	陳金成	SMTFA	M65
18 TO HOI LAU ERIC	杜海樓	AVOHK	M65

### Men's M65 - 800m

Name	姓名	Team	Category
1 CHENG HIN	鄭騫	PAC	M65
2 HO PING KIU	何炳僑	BAC	M65
3 LAM YUI WAH	林睿華	PAC	M65
4 WONG LI	黃利	DBSAC	M65
5 WONG SEK CHEUNG	王錫章	PAC	M65
6 SIN WING FAI	冼永輝	DBSAC	M65
7 LEE SAU CHOI	李秀財	PKMSAA	M65
8 SUEN TAI ON	孫泰安	DBSAC	M65
9 SUN WILSON WAI-SHING		DBSAC	M65
10 TAM CHIU CHONG	譚超壯	SDH	M65
11 TO HOI LAU ERIC	杜海樓	AVOHK	M65
12 ZHOU ZHI GANG	周志鋼	DGD	M65

### Men's M65 - 1500m

Name	姓名	Team	Category
1 CHENG HIN	鄭騫	PAC	M65
2 HO PING KIU	何炳僑	BAC	M65
3 WONG LI	黃利	DBSAC	M65
4 CHEUNG KING SUN ANDREW	張敬臣	DBSAC	M65
5 SIN WING FAI	冼永輝	DBSAC	M65
6 SUEN TAI ON	孫泰安	DBSAC	M65
7 SUN WILSON WAI-SHING		DBSAC	M65
8 TO HOI LAU ERIC	杜海樓	AVOHK	M65
9 WONG SEK CHEUNG	王錫章	PAC	M65
10 WOO WAI HIN	胡偉軒	DBSAC	M65
11 ZHOU ZHI GANG	周志鋼	DGD	M65

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	HO PING KIU	何炳僑	BAC	M65
2	CHENG HIN	鄭騫	PAC	M65
3	CHEUNG WAI LAP	張偉立	AVOHK	M65
4	SIN WING FAI	冼永輝	DBSAC	M65
5	CHEUNG KING SUN ANDREW	張敬臣	DBSAC	M65
6	NGAN YEUK CHUN JOHNNY	顏躍進	SCAA	M65
7	SHEK WAI HUNG TONY	石偉雄	BAC	M65
8	SUEN TAI ON	孫泰安	DBSAC	M65
9	TO HOI LAU ERIC	杜海樓	AVOHK	M65
10	WAN CHUNG LING JOE	尹仲靈	JSA	M65

### Men's M65 - 2000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	CHENG HIN	鄭騫	PAC	M65
2	WONG CHEUK YIN	黃卓然	SCAA	M65
3	CHAN KEUNG	陈志強	PKMSAA	M65
4	SUEN TAI ON	孫泰安	DBSAC	M65
5	TAM WINGKwai	譚榮貴	BAC	M65

### Men's M65 - 100mH

	Name	姓名	Team	Category
1	LEUNG WAI YIN RAYMOND	梁偉彥	DBSAC	M65
2	SUEN SHU KWAN LIONIMAN	孫樹坤	BAC	M65
3	ROSARIO MARK		DBSAC	M65
4	YIU FRANCIS	姚永雄	DBSAC	M65

### Men's M65 - 300mH

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG CHEUK YIN	黃卓然	SCAA	M65
2	SUEN SHU KWAN LIONIMAN	孫樹坤	BAC	M65
3	LEUNG WAI YIN RAYMOND	梁偉彥	DBSAC	M65
4	WONG LI	黃利	DBSAC	M65
5	ROSARIO MARK		DBSAC	M65
6	YIU FRANCIS	姚永雄	DBSAC	M65

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - 300mH

	Name	姓名	Team	Category
7	MA DANIEL	馬恩明	DBSAC	M65
8	CHAN WING KAY RICK	陳永基	BAC	M65

### Men's M65 - 5000mRW

	Name	姓名	Team	Category
1	LI KAM WAH	李錦華	SHTB	M65
2	CHENG CHUNG LIT	鄭鍾烈	HKRWA	M65
3	MA DANIEL	馬恩明	DBSAC	M65
4	TSENG HING TAK RICHARD	曾慶德	HKRWA	M65
5	CHIEN SAMUEL JR	錢小山	DBSAC	M65
6	WONG SIU KEUNG	王少強	SDH	M65
7	WONG WAI HO	黃偉河	PKMSAA	M65

### Men's M65 - 4X100m

	Name	姓名	Team	Category
1	赤道體育會 M65 4X100		BAC	M65
2	拔萃男書院田徑會 M65 4X100 A		DBSAC	M65
3	拔萃男書院田徑會 M65 4X100 B		DBSAC	M65
4	南華體育會 M65 4X100		SCAA	M65
5	培僑中學校友會 M65 4X100 A		PKMSAA	M65
6	培僑中學校友會 M65 4X100 B		PKMSAA	M65
7	路德會協同中學校友會 M65 4X100米		CLSAA	M65

### Men's M65 - 4X400m

	Name	姓名	Team	Category
1	赤道體育會 M65 4X400		BAC	M65
2	拔萃男書院田徑會 M65 4X400 A		DBSAC	M65
3	拔萃男書院田徑會 M65 4X400 B		DBSAC	M65
4	南區康樂體育促進會有限公司暨南區長跑會 M65		SDH	M65
5	南華體育會 M65 4X400		SCAA	M65
6	培僑中學校友會 M65 4X400 A		PKMSAA	M65
7	培僑中學校友會 M65 4X400 B		PKMSAA	M65

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	ZEE BENNY	徐仲鏞	DBSAC	M65
2	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
3	WONG LIT CHOR ALEXIS	黃烈初	DBSAC	M65
4	ROSARIO MARK		DBSAC	M65
5	LEUNG WAI YIN RAYMOND	梁偉彥	DBSAC	M65
6	CHEUNG KAM WING	張錦榮	PKMSAA	M65
7	LO SIMON	盧慶陽	DBSAC	M65
8	YIU SI CHIT	姚思哲	PKMSAA	M65
9	CHAN WING KAY RICK	陳永基	BAC	M65
10	CHAN TO WANG WILLIAM	陳道宏	SCAA	M65
11	CHAU KAM TIM	周錦添	SCAA	M65
12	CHEUNG KING SUN ANDREW	張敬臣	DBSAC	M65
13	CHUNG CHUN YIN	鍾振賢	CLSAA	M65
14	LAU CHI KEUNG	劉志強	SJC	M65
15	THIRAVIA NADAR SUBRAMANIAN		IND-KMAC	M65
16	VILLA JUAN		PHI-NMSAA	M65
17	WONG CHEONG MING	黃昌明	PKMSAA	M65
18	WONG SEK CHEUNG	王錫章	PAC	M65

### Men's M65 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	ZEE BENNY	徐仲鏞	DBSAC	M65
2	AU KING TONG	歐敬唐	PKMSAA	M65
3	WONG LIT CHOR ALEXIS	黃烈初	DBSAC	M65
4	ROSARIO MARK		DBSAC	M65
5	TAM WINGKWAI	譚榮貴	BAC	M65
6	LAU CHEUK HANG	劉卓衡	DBSAC	M65
7	HO KWOK KIT	何國傑	PKMSAA	M65
8	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
9	LO SIMON	盧慶陽	DBSAC	M65
10	MA DANIEL	馬恩明	DBSAC	M65
11	CHIEN SAMUEL JR	錢小山	DBSAC	M65

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
12	SHEK WAI HUNG TONY	石偉雄	BAC	M65
13	CHAN TO WANG WILLIAM	陳道宏	SCAA	M65
14	CHAU KAM TIM	周錦添	SCAA	M65
15	LEUNG WAI YIN RAYMOND	梁偉彥	DBSAC	M65
16	LI SHIK KOWNG KEN	李錫光	CLSAA	M65
17	THIRAVIA NADAR SUBRAMANIAN		IND-KMAC	M65
18	VILLA JUAN		PHI-NMSAA	M65

### Men's M65 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	HO KWOK KIT	何國傑	PKMSAA	M65
2	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
3	ZEE BENNY	徐仲鏘	DBSAC	M65
4	LAU CHEUK HANG	劉卓衡	DBSAC	M65
5	LO SIMON	盧慶陽	DBSAC	M65
6	WONG LIT CHOR ALEXIS	黃烈初	DBSAC	M65
7	YIU SI CHIT	姚思哲	PKMSAA	M65
8	CHAN WING KAY RICK	陳永基	BAC	M65
9	SHEK WAI HUNG TONY	石偉雄	BAC	M65
10	CHAU KAM TIM	周錦添	SCAA	M65
11	LEE SAU CHOI	李秀財	PKMSAA	M65
12	LI SHIK KOWNG KEN	李錫光	CLSAA	M65
13	LOI RICCARDO		PHI-NMSAA	M65
14	SUEN SHU KWAN LIONIMAN	孫樹坤	BAC	M65
15	THIRAVIA NADAR SUBRAMANIAN		IND-KMAC	M65

### Men's M65 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	KUNG WAI LING	龔偉凌	DBSAC	M65
2	LEUNG WAI YIN RAYMOND	梁偉彥	DBSAC	M65
3	WONG LI	黃利	DBSAC	M65
4	CHAN WING KAY RICK	陳永基	BAC	M65
5	ZEE BENNY	徐仲鏘	DBSAC	M65

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M65 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
6	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
7	GAJARAJAN SUBRAMANIAN		IND-NAAA	M65
8	YIM TIN LEUNG	嚴天亮	SCAA	M65

### Men's M65 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	BUDIN ANAK MERINGGAI		BRU	M65
2	CHIEN SAMUEL JR	錢小山	DBSAC	M65
3	LAU CHEUK HANG	劉卓衡	DBSAC	M65
4	WONG LIT CHOR ALEXIS	黃烈初	DBSAC	M65
5	YIM TIN LEUNG	嚴天亮	SCAA	M65

### Men's M65 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	LAM KIN HUNG	林建雄	CLSAA	M65
2	SUEN SHU KWAN LIONIMAN	孫樹坤	BAC	M65
3	ZEE BENNY	徐仲鏘	DBSAC	M65
4	CHAN WING KAY RICK	陳永基	BAC	M65
5	WONG LIT CHOR ALEXIS	黃烈初	DBSAC	M65
6	AU KING TONG	歐敬唐	PKMSAA	M65
7	CHEUNG KAM WING	張錦榮	PKMSAA	M65
8	CHENG HIN	鄭騫	PAC	M65
9	YIM TIN LEUNG	嚴天亮	SCAA	M65

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M70 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	JIN HUI	金輝	DGD	M70
2	WONG KEE LAM	黃基林	SCAA	M70
3	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70
4	CHAN WING HA	陳榮熙	PKMSAA	M70
5	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
6	LEUNG KAM YIN	梁錦賢	PKMSAA	M70
7	HJ MUDIN HJ TIANG/ HJ SAFRI		BRU	M70
8	LI WING TONG PETER	李榮棠	SCAA	M70
9	LO CHUNG KEUNG	盧仲強	WYK	M70
10	SOUZA LUIZ ANTONIO		LSCAC	M70
11	TSE DAVID KWAI CHE	謝貴枝	SCAA	M70
12	ZHU BAONING	朱葆寧	SZGM	M70

### Men's M70 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	JIN HUI	金輝	DGD	M70
2	WONG KEE LAM	黃基林	SCAA	M70
3	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70
4	LAW HOI SHA SANFORD	羅海沙	PKMSAA	M70
5	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
6	TSE DAVID KWAI CHE	謝貴枝	SCAA	M70
7	LI WING TONG PETER	李榮棠	SCAA	M70
8	LO CHUNG KEUNG	盧仲強	WYK	M70
9	ZHU BAONING	朱葆寧	SZGM	M70

### Men's M70 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	SIN ON IUN	冼安源	MAC-Masters	M70
2	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
3	LEUNG SO KEUNG	梁蘇強	SCAA	M70
4	LOW HOI MAN	羅海曼	PKMSAA	M70
5	TSE DAVID KWAI CHE	謝貴枝	SCAA	M70
6	ZHU BAONING	朱葆寧	SZGM	M70

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M70 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	MCNAMARA FRANK		AVOHK	M70
2	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
3	LEUNG SO KEUNG	梁蘇強	SCAA	M70
4	ZHU BAONING	朱葆寧	SZGM	M70

### Men's M70 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
2	KWOK YEE WAH	郭裕華	SDH	M70
3	POON CHI WAH	潘志華	SCAA	M70
4	ZHU BAONING	朱葆寧	SZGM	M70

### Men's M70 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	POON CHI WAH	潘志華	SCAA	M70
2	CHEUNG YORK TZE	張玉子	PKMSAA	M70
3	KWOK YEE WAH	郭裕華	SDH	M70
4	LO CHUNG KEUNG	盧仲強	WYK	M70
5	LO KAM FUK	羅金福	HKLRRRC	M70

### Men's M70 - 80mH

	Name	姓名	Team	Category
1	Ang Wee Teck	洪偉德	SMTFA	M70
2	CHAN WING HA	陳榮熙	PKMSAA	M70

### Men's M70 - 5000mRW

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN KUN CHEUNG	陳根祥	HKRWA	M70

### Men's M70 - 4X100m

	Name	姓名	Team	Category
1	南華體育會 M70 4X100		SCAA	M70
2	培僑中學校友會 M70 4X100 A		PKMSAA	M70
3	培僑中學校友會 M70 4X100 B		PKMSAA	M70

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M70 - 4X400m

	Name	姓名	Team	Category
1	南華體育會 M70 4X400		SCAA	M70
2	培僑中學校友會 M70 4X400 A		PKMSAA	M70
3	培僑中學校友會 M70 4X400 B		PKMSAA	M70

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M70 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	YAN CHUN YIP	甄進業	PKMSAA	M70
2	HO TAK CHEUNG	何德長	PKMSAA	M70
3	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
4	WONG KEE LAM	黃基林	SCAA	M70
5	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70
6	LOK HUNG FAI	駱洪輝	PKMSAA	M70
7	LAM MAN BUN ALAN	林文彬	DBSAC	M70
8	CHAN WING HA	陳榮熙	PKMSAA	M70
9	KUPPANNA GOUNDER RAMASWAMY		IND-KMAC	M70
10	RAMU ANNADURAI		IND-NAAA	M70
11	ZHU BAONING	朱葆寧	SZGM	M70

### Men's M70 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	LOK HUNG FAI	駱洪輝	PKMSAA	M70
2	YAN CHUN YIP	甄進業	PKMSAA	M70
3	HO TAK CHEUNG	何德長	PKMSAA	M70
4	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
5	WONG KEE LAM	黃基林	SCAA	M70
6	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70
7	LAM MAN BUN ALAN	林文彬	DBSAC	M70
8	CHAN WING HA	陳榮熙	PKMSAA	M70
9	KUPPANNA GOUNDER RAMASWAMY		IND-KMAC	M70
10	TSE DAVID KWAI CHE	謝貴枝	SCAA	M70
11	ZHU BAONING	朱葆寧	SZGM	M70

### Men's M70 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG KEE LAM	黃基林	SCAA	M70
2	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
3	YAN CHUN YIP	甄進業	PKMSAA	M70
4	TSE DAVID KWAI CHE	謝貴枝	SCAA	M70
5	LOK HUNG FAI	駱洪輝	PKMSAA	M70

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M70 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
6	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70
7	LAM MAN BUN ALAN	林文彬	DBSAC	M70
8	CHAN WING HA	陳榮熙	PKMSAA	M70
9	HO TAK CHEUNG	何德長	PKMSAA	M70
10	KUPPANNA GOUNDER RAMASWAMY		IND-KMAC	M70
11	SOUZA LUIZ ANTONIO		LSCAC	M70

### Men's M70 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70
2	JIN HUI	金輝	DGD	M70
3	WONG KEE LAM	黃基林	SCAA	M70
4	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
5	Ang Wee Teck	洪偉德	SMTFA	M70
6	LI WING TONG PETER	李榮棠	SCAA	M70

### Men's M70 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	Ang Wee Teck	洪偉德	SMTFA	M70
2	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
3	KUPPANNA GOUNDER RAMASWAMY		IND-KMAC	M70
4	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70

### Men's M70 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	LIU CHEUK LEUNG	廖卓良	SCAA	M70
2	KO ALEX	高量洪	DBSAC	M70
3	JIN HUI	金輝	DGD	M70

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M75 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
2	NG MAN MARK	吳文默	PKMSAA	M75
3	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
4	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
5	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
6	CHAN VICTOR	陳麒仁	DBSAC	M75
7	CHAN YOUNGMAN	陳恩明	BAC	M75
8	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
9	CHAN FAT YUNG	陳發容	BAC	M75
10	MAN GREGORY	文正堃	DBSAC	M75
11	SUAREZ WILFREDO		PHI-NMSAA	M75

### Men's M75 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
2	NG MAN MARK	吳文默	PKMSAA	M75
3	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
4	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
5	CHAN VICTOR	陳麒仁	DBSAC	M75
6	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
7	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
8	MAN GREGORY	文正堃	DBSAC	M75
9	SUAREZ WILFREDO		PHI-NMSAA	M75

### Men's M75 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
2	CHAN VICTOR	陳麒仁	DBSAC	M75
3	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
4	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
5	KING WILLIAM	金維明	DBSAC	M75
6	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
7	LEE PHILIP	李洪海	DBSAC	M75

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M75 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
8	LO RAMON	羅威文	DBSAC	M75
9	NG TIMOTHY	吳偉基	DBSAC	M75
10	SUAREZ WILFREDO		PHI-NMSAA	M75

### Men's M75 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
2	KAO WING YIE	高永餘	PKMSAA	M75
3	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
4	KING WILLIAM	金維明	DBSAC	M75
5	CHAN RICHARD	陳維志	DBSAC	M75
6	CHAN VICTOR	陳麒仁	DBSAC	M75
7	CHOW HENRY	周炳華	DBSAC	M75
8	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
9	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
10	LEE JOHN	李敬華	DBSAC	M75
11	LEE PHILIP	李洪海	DBSAC	M75
12	LO RAMON	羅威文	DBSAC	M75
13	MAN GREGORY	文正堃	DBSAC	M75
14	NG TIMOTHY	吳偉基	DBSAC	M75

### Men's M75 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
2	KAO WING YIE	高永餘	PKMSAA	M75
3	CHAN KWAI TIM	陳貴添	LWRC	M75
4	CHAN RICHARD	陳維志	DBSAC	M75
5	CHOW HENRY	周炳華	DBSAC	M75
6	LEE JOHN	李敬華	DBSAC	M75
7	MAN GREGORY	文正堃	DBSAC	M75
8	OMAR KAHAR		BRU	M75

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M75 - 80mH

Name	姓名	Team	Category
1 XIAO GUO LIN	肖国林	DGD	M75

### Men's M75 - 5000mRW

Name	姓名	Team	Category
1 Chan Kheng Lin	曾庆麟	SMTFA	M75

### Men's M75 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
1 赤道體育會 M75 4X100		BAC	M75
2 拔萃男書院田徑會 M75 4X100 A		DBSAC	M75
3 拔萃男書院田徑會 M75 4X100 B		DBSAC	M75
4 培僑中學校友會 M75 4X100		PKMSAA	M75

### Men's M75 - 4X400m

Name	姓名	Team	Category
1 拔萃男書院田徑會 M75 4X400 A		DBSAC	M75
2 拔萃男書院田徑會 M75 4X400 B		DBSAC	M75
3 培僑中學校友會 M75 4X400		PKMSAA	M75

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M75 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
2	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
3	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
4	CHAN VICTOR	陳麒仁	DBSAC	M75
5	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
6	CHAN RICHARD	陳維志	DBSAC	M75
7	Chan Kheng Lin	曾庆麟	SMTFA	M75
8	CHAN YOUNGMAN	陳恩明	BAC	M75
9	KING WILLIAM	金維明	DBSAC	M75
10	LEE PHILIP	李洪海	DBSAC	M75
11	MAN GREGORY	文正堃	DBSAC	M75
12	NG MAN MARK	吳文默	PKMSAA	M75
13	NG TIMOTHY	吳偉基	DBSAC	M75
14	XIAO GUO LIN	肖国林	DGD	M75

### Men's M75 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
2	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
3	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
4	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
5	Chan Kheng Lin	曾庆麟	SMTFA	M75
6	CHAN RICHARD	陳維志	DBSAC	M75
7	CHAN YOUNGMAN	陳恩明	BAC	M75
8	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
9	LEE PHILIP	李洪海	DBSAC	M75
10	MAN GREGORY	文正堃	DBSAC	M75
11	NG MAN MARK	吳文默	PKMSAA	M75
12	XIAO GUO LIN	肖国林	DGD	M75

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M75 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
2	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
3	CHAN RICHARD	陳維志	DBSAC	M75
4	CHAN VICTOR	陳麒仁	DBSAC	M75
5	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
6	CHAN YOUNGMAN	陳恩明	BAC	M75
7	CHAN PUI YIN PETER	陳沛然	SCAA	M75
8	Chan Kheng Lin	曾庆麟	SMTFA	M75
9	CHOW HENRY	周炳華	DBSAC	M75
10	KING WILLIAM	金維明	DBSAC	M75
11	LEE PHILIP	李洪海	DBSAC	M75
12	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
13	XIAO GUO LIN	肖国林	DGD	M75

### Men's M75 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
2	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
3	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
4	NG MAN MARK	吳文默	PKMSAA	M75
5	PERIASAMY JAMES THANGAM		IND-KMAC	M75
6	XIAO GUO LIN	肖国林	DGD	M75

### Men's M75 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
2	IU PUI TO	姚沛滔	DBSAC	M75
3	PERIASAMY JAMES THANGAM		IND-KMAC	M75
4	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
5	XIAO GUO LIN	肖国林	DGD	M75

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M75 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	CHUI HONG SHEUNG	崔康常	DBSAC	M75
2	WAN CHARLES	尹兆祥	DBSAC	M75
3	LAI CHING TIN PETER	黎澄天	LSCAC	M75
4	PERIASAMY JAMES THANGAM		IND-KMAC	M75
5	XIAO GUO LIN	肖国林	DGD	M75

主辦機構:



冠名贊助:



協辦機構:



支持媒體:



# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M80 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
3	HWANG EDDIE	黃呂	PKMSAA	M80
4	Soh Chin Koon	苏进坤	SMTFA	M80

### Men's M80 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
3	Soh Chin Koon	苏进坤	SMTFA	M80

### Men's M80 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
3	CHUI HUNG CHEONG	徐鴻翔	PKMSAA	M80

### Men's M80 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80

### Men's M80 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80

### Men's M80 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	WONG CHI MING	黃志明	LWRC	M80

### Men's M80 - 2000mSC

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M80 - 5000mRW

Name	姓名	Team	Category
1 PURVES BILL		AVOHK	M80
2 WONG CHI MING	黃志明	LWRC	M80

### Men's M80 - 4X100m

Name	姓名	Team	Category
1 拔萃男書院田徑會 M80 4X100		DBSAC	M80
2 香港元老田徑會M80 4X100		AVOHK	M80

### Men's M80 - 4X400m

Name	姓名	Team	Category
1 香港元老田徑會M80 4X400		AVOHK	M80

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M80 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
2	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
3	HWANG EDDIE	黃 呂	PKMSAA	M80

### Men's M80 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
3	HWANG EDDIE	黃 呂	PKMSAA	M80

### Men's M80 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
3	HWANG EDDIE	黃 呂	PKMSAA	M80

### Men's M80 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
3	HWANG EDDIE	黃 呂	PKMSAA	M80
4	Soh Chin Koon	苏进坤	SMTFA	M80

### Men's M80 - Triple Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
2	Soh Chin Koon	苏进坤	SMTFA	M80
3	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80

### Men's M80 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	YANG VICTOR	楊岳明	DBSAC	M80
2	GEE ARTHUR		AVOHK	M80
3	HWANG EDDIE	黃 呂	PKMSAA	M80

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M85 - 100m

	Name	姓名	Team	Category
1	HO SHUI ON	何瑞安	SCAA	M85
2	YEUNG CHI KIN	楊智堅	BAC	M85
3	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85
4	WHITTLE REX WILLIAM JAMES		AVOHK	M85
5	TSUI KAM FAI	徐錦輝	DBSAC	M85
6	HUI CYRUS K	許任棠	DBSAC	M85
7	YUAN WEIMIN GEORGE	袁偉民	DBSAC	M85

### Men's M85 - 200m

	Name	姓名	Team	Category
1	HO SHUI ON	何瑞安	SCAA	M85
2	WHITTLE REX WILLIAM JAMES		AVOHK	M85
3	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85
4	TSUI KAM FAI	徐錦輝	DBSAC	M85
5	HUI CYRUS K	許任棠	DBSAC	M85
6	QIN BO KUI	秦伯葵	DGD	M85

### Men's M85 - 400m

	Name	姓名	Team	Category
1	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85
2	QIN BO KUI	秦伯葵	DGD	M85
3	WHITTLE REX WILLIAM JAMES		AVOHK	M85

### Men's M85 - 800m

	Name	姓名	Team	Category
1	WHITTLE REX WILLIAM JAMES		AVOHK	M85
2	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85
3	QIN BO KUI	秦伯葵	DGD	M85

### Men's M85 - 1500m

	Name	姓名	Team	Category
1	WHITTLE REX WILLIAM JAMES		AVOHK	M85
2	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M85 - 5000m

	Name	姓名	Team	Category
1	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85
2	WHITTLE REX WILLIAM JAMES		AVOHK	M85

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M85 - Shot Put

	Name	姓名	Team	Category
1	HO SHUI ON	何瑞安	SCAA	M85
2	YEUNG CHI KIN	楊智堅	BAC	M85
3	HUI CYRUS K	許任棠	DBSAC	M85
4	YUAN WEIMIN GEORGE	袁偉民	DBSAC	M85

### Men's M85 - Discus Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	HO SHUI ON	何瑞安	SCAA	M85
2	YEUNG CHI KIN	楊智堅	BAC	M85
3	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85
4	HUI CYRUS K	許任棠	DBSAC	M85
5	LAM CHUN CHEUN	林振全	SCAA	M85

### Men's M85 - Javelin Throw

	Name	姓名	Team	Category
1	FOWLER JOHN GARTH		AVOHK	M85
2	YEUNG CHI KIN	楊智堅	BAC	M85
3	LAM CHUN CHEUN	林振全	SCAA	M85
4	YUAN WEIMIN GEORGE	袁偉民	DBSAC	M85

### Men's M85 - Long Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	HO SHUI ON	何瑞安	SCAA	M85
2	HUI CYRUS K	許任棠	DBSAC	M85

### Men's M85 - High Jump

	Name	姓名	Team	Category
1	HO SHUI ON	何瑞安	SCAA	M85

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M95 - 100m

Name	姓名	Team	Category
1 HO CHAM CHUEN	何湛泉	BAC	M95

### Men's M95 - 200m

Name	姓名	Team	Category
1 HO CHAM CHUEN	何湛泉	BAC	M95

### Men's M95 - 800m

Name	姓名	Team	Category
1 CHAN KIM HUNG	陳劍鴻	SCAA	M95

# Hong Kong Masters Athletics Club

## The 10th HONG KONG MASTERS ATHLETICS CHAMPIONSHIPS

### Men's M95 - Shot Put

Name	姓名	Team	Category
1 HO CHAM CHUEN	何湛泉	BAC	M95

### Men's M95 - Javelin Throw

Name	姓名	Team	Category
1 HO CHAM CHUEN	何湛泉	BAC	M95